CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia

Thông tư số 37/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 23/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2018.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 26/2007/NĐ-CP và Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của

Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ tin học,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia.[1]

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia (sau đây viết tắt là Hệ thống TTLNH) để thực hiện việc thanh toán và quyết toán giữa các đơn vị tham gia hệ thống thanh

---

[1] Thông tư số 23/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 26/2007/NĐ-CP và Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia."

toán này bằng Đồng Việt Nam (VND), Đô la Mỹ (USD), Đồng tiền chung Châu Âu (EUR) và các loại ngoại tệ khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ.

2. Đối tượng áp dụng:

Là thành viên, đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp của Hệ thống TTLNH, đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH, tổ chức chủ trì hệ thống bù trừ có kết nối đến Hệ thống TTLNH, các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thanh toán điện tử liên ngân hàng (viết tắt là TTLNH) là quá trình xử lý các giao dịch thanh toán liên ngân hàng kể từ khi khởi tạo Lệnh thanh toán cho tới khi hoàn tất thực hiện Lệnh thanh toán, được thực hiện qua mạng máy tính.

2. Thành viên trực tiếp (viết tắt là thành viên) là Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước Trung ương tham gia Hệ thống TTLNH.

3. Đơn vị thành viên trực tiếp (viết tắt là đơn vị thành viên) là đơn vị trực thuộc thành viên tham gia Hệ thống TTLNH theo đề nghị của thành viên.

4. Thành viên gián tiếp là đơn vị trực thuộc thành viên, có mã ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước cấp, thực hiện thanh toán thông qua thành viên hoặc đơn vị thành viên.

5. Lệnh thanh toán là một tin điện sử dụng để thực hiện một giao dịch thanh toán trong Hệ thống TTLNH.

6. Người phát lệnh là một tổ chức hoặc cá nhân yêu cầu thành viên, đơn vị thành viên tạo lập Lệnh thanh toán.

7. Người nhận lệnh là một tổ chức hoặc cá nhân nhận Lệnh thanh toán thông qua thành viên, đơn vị thành viên.

8. Khách hàng là Người phát lệnh hoặc là Người nhận lệnh.

9. Người lập Lệnh thanh toán (viết tắt là người lập lệnh) là cá nhân thuộc thành viên, đơn vị thành viên được giao nhiệm vụ thực hiện khởi tạo Lệnh thanh toán.

10. Người kiểm soát Lệnh thanh toán (viết tắt là người kiểm soát lệnh) là kế toán trưởng, phụ trách kế toán hoặc người được ủy quyền của thành viên, đơn vị thành viên thực hiện kiểm soát Lệnh thanh toán.

11. Người duyệt Lệnh thanh toán (viết tắt là người duyệt lệnh) là người có

thẩm quyền (người đại diện hợp pháp) của thành viên, đơn vị thành viên; riêng đối với đơn vị thành viên là đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, người duyệt lệnh là Thủ trưởng đơn vị hoặc người được uỷ quyền.

12. Người duyệt truyền thông là cá nhân thuộc thành viên, đơn vị thành viên được giao nhiệm vụ truyền, nhận tin điện trong Hệ thống TTLNH.

13. Đơn vị khởi tạo Lệnh thanh toán (viết tắt là đơn vị khởi tạo lệnh) là thành viên hoặc đơn vị thành viên thay mặt cho khách hàng lập và xử lý Lệnh thanh toán (đi).

14. Đơn vị nhận Lệnh thanh toán (viết tắt là đơn vị nhận lệnh) là thành viên hoặc đơn vị thành viên thay mặt khách hàng nhận và xử lý Lệnh thanh toán (đến).

15. Dịch vụ thanh toán giá trị thấp là dịch vụ thuộc Hệ thống TTLNH xử lý các Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam sử dụng phương thức quyết toán bù trừ.

16. Dịch vụ thanh toán giá trị cao là dịch vụ thuộc Hệ thống TTLNH xử lý các Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam sử dụng phương thức quyết toán tổng tức thời.

17. Dịch vụ thanh toán ngoại tệ là dịch vụ thuộc Hệ thống TTLNH xử lý các Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ sử dụng phương thức quyết toán tổng tức thời.

18. Lệnh thanh toán Có là Lệnh thanh toán của đơn vị khởi tạo lệnh nhằm ghi Nợ tài khoản của khách hàng mở tại đơn vị khởi tạo lệnh một khoản tiền xác định và ghi Có tài khoản của khách hàng mở tại đơn vị nhận lệnh khoản tiền đó.

19. Lệnh thanh toán Nợ là Lệnh thanh toán của đơn vị khởi tạo lệnh nhằm ghi Nợ tài khoản của khách hàng mở tại đơn vị nhận lệnh một khoản tiền xác định và ghi Có tài khoản của khách hàng mở tại đơn vị khởi tạo lệnh khoản tiền đó.

20. Lệnh thanh toán giá trị thấp là Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam có giá trị nhỏ hơn 500.000.000 VND (Năm trăm triệu đồng), sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị thấp.

21. Lệnh thanh toán giá trị cao là Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị cao.

22. Lệnh thanh toán ngoại tệ là Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ sử dụng dịch vụ thanh toán ngoại tệ.

23. Tin điện là thông tin điện tử thể hiện nội dung của Lệnh thanh toán hay thông báo liên quan đến giao dịch thanh toán cần thực hiện và được truyền

qua mạng máy tính giữa các đơn vị tham gia Hệ thống TTLNH.

24. Mã xác nhận tin điện là ký hiệu của thông tin điện tử về tình trạng của các Lệnh thanh toán trong Hệ thống TTLNH.

25. Quyết toán là việc xác định và thanh toán giá trị cuối cùng giữa các thành viên liên quan để hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

26. Quyết toán tổng tức thời là việc xử lý quyết toán tức thời từng Lệnh thanh toán để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán giữa các thành viên hoặc đơn vị thành viên.

27. Quyết toán kết quả bù trừ giá trị thấp (gọi tắt là quyết toán bù trừ) là việc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán giữa các bên tham gia thanh toán bằng cách bù trừ trực tiếp sau khi đã cân đối giữa tổng các khoản phải thu và tổng các khoản phải trả.

28. Hạn mức nợ ròng là mức giá trị tối đa quy định cho các giao dịch thanh toán giá trị thấp được tham gia quyết toán bù trừ.

29. Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH là đơn vị trực tiếp vận hành Hệ thống TTLNH.

30. Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia (viết tắt là Trung tâm Xử lý Quốc gia - NPSC) là hệ thống trang thiết bị kỹ thuật đặt tại Cục Công nghệ tin học để thực hiện các chức năng của Cấu phần Thanh toán giá trị cao, Cấu phần Thanh toán ngoại tệ, Cấu phần Thanh toán giá trị thấp, Cấu phần Xử lý tài khoản thanh toán và kiểm tra, đối chiếu số liệu.

31. Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia dự phòng (viết tắt là Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng - BNPSC) là hệ thống trang thiết bị kỹ thuật đặt tại Trung tâm dữ liệu dự phòng để thực hiện chức năng dự phòng cho Trung tâm Xử lý Quốc gia.

32. Giá trị của giấy tờ có giá ký quỹ được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc thấu chi và cho vay qua đêm trong TTLNH.

33. Tỷ lệ ký quỹ là tỷ lệ phần trăm (%) giữa giá trị giấy tờ có giá kỹ quỹ, tiền ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng và hạn mức nợ ròng đầu ngày.

34. Dịch vụ quyết toán ròng cho các hệ thống khác là dịch vụ tiếp nhận và xử lý kết quả quyết toán ròng từ Hệ thống bù trừ tự động (ACH), Hệ thống bù trừ thẻ, và các Hệ thống thanh toán bù trừ khác.

Điều 3. Các cấu phần và chức năng chính của Hệ thống TTLNH

1. Hệ thống TTLNH là hệ thống tổng thể gồm: Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia, Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên

ngân hàng Quốc gia dự phòng, phần mềm cài đặt tại các thành viên và đơn vị thành viên.

2. Các cấu phần xử lý nghiệp vụ bao gồm: Cấu phần Thanh toán giá trị cao, Cấu phần Thanh toán ngoại tệ, Cấu phần Thanh toán giá trị thấp, Cấu phần xử lý tài khoản thanh toán.

3. Cấu phần Thanh toán giá trị cao thực hiện quyết toán tổng tức thời cho các Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị cao.

4. Cấu phần Thanh toán ngoại tệ thực hiện quyết toán tổng tức thời cho các Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ sử dụng dịch vụ thanh toán ngoại tệ.

5. Cấu phần Thanh toán giá trị thấp thực hiện thanh toán các Lệnh thanh toán giá trị thấp sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị thấp.

6. Cấu phần xử lý tài khoản thanh toán thực hiện kiểm tra, hạch toán Lệnh thanh toán giá trị cao, Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ, xử lý kết quả bù trừ giá trị thấp và kết quả quyết toán ròng từ các hệ thống khác.

Điều 4. Chứng từ sử dụng trong TTLNH

1. Chứng từ sử dụng trong TTLNH là chứng từ bằng giấy hoặc dưới dạng chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ chứng từ kế toán.

2. Cơ sở để lập Lệnh thanh toán là các chứng từ sử dụng trong TTLNH.

3. Lệnh thanh toán phải được lập dưới dạng chứng từ điện tử theo đúng mẫu, đáp ứng các chuẩn dữ liệu do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

Điều 5. Thanh toán Nợ trong Hệ thống TTLNH

1. Thanh toán Nợ giữa các thành viên không phải là đơn vị Ngân hàng Nhà nước phải có hợp đồng uỷ quyền trước.

2. Thanh toán Nợ giữa các thành viên là đơn vị Ngân hàng Nhà nước với các thành viên không phải là đơn vị Ngân hàng Nhà nước phải có văn bản thỏa thuận trước.

3. Hợp đồng uỷ quyền trước hoặc văn bản thỏa thuận về việc thanh toán Nợ giữa các thành viên phải bao gồm tối thiểu các yếu tố sau:

- Hạn mức tối đa trong ngày được thanh toán Nợ giữa các thành viên;

- Hạn mức tối đa của một Lệnh thanh toán Nợ không cần xác nhận nợ;

- Thời hạn hiệu lực của hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận.

Điều 6. Quy định về sử dụng dịch vụ thanh toán

1. Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam có giá trị từ 500.000.000 VND (năm trăm triệu đồng) trở lên phải sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị cao.

2. Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam có giá trị nhỏ hơn 500.000.000 VND (năm trăm triệu đồng) có thể sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị cao hoặc dịch vụ thanh toán giá trị thấp.

3. Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ phải sử dụng dịch vụ thanh toán ngoại tệ.

Điều 7. Chi phí và thu phí trong TTLNH

1. Chi phí xây dựng, lắp đặt, duy trì, phát triển và nâng cấp hoạt động của Hệ thống TTLNH do Ngân hàng Nhà nước chi trả. Chi phí xây dựng, lắp đặt, duy trì, phát triển và nâng cấp hoạt động của các hệ thống khác thuộc thành viên, đơn vị thành viên để phục vụ cho hoạt động TTLNH tại thành viên, đơn vị thành viên thì do thành viên, đơn vị thành viên chi trả.

2. Khi tham gia sử dụng dịch vụ Hệ thống TTLNH các thành viên, đơn vị thành viên phải trả phí dịch vụ tham gia Hệ thống TTLNH, phí thường niên và phí dịch vụ thanh toán trong nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG TTLNH

Điều 8. Kiểm tra Hệ thống TTLNH

1. Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH hàng ngày kiểm tra tình trạng kỹ thuật của Hệ thống TTLNH về dữ liệu số dư, dữ liệu hạn mức nợ ròng, dữ liệu thanh toán.

2. Cục Công nghệ tin học hàng ngày kiểm tra tình trạng kỹ thuật của Hệ thống TTLNH về hệ thống phần mềm, trang thiết bị và mạng truyền thông tại Trung tâm Xử lý Quốc gia, Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng.

3. Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH, thành viên, đơn vị thành viên phải thường xuyên kiểm tra, theo dõi để nhận và xử lý các Lệnh thanh toán trong thời gian làm việc của Hệ thống TTLNH, bảo đảm Hệ thống TTLNH hoạt động thông suốt, an toàn.

Điều 9. Thời gian làm việc áp dụng trong Hệ thống TTLNH

1. Các thời điểm áp dụng trong Hệ thống TTLNH được quy định như sau:

a) Thời điểm Hệ thống TTLNH bắt đầu hoạt động: 8 giờ 00 phút của ngày làm việc;

b) Thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán:

- Đối với Lệnh thanh toán giá trị thấp: 16 giờ 00 phút đối với ngày làm việc bình thường, 17 giờ 00 phút đối với 02 ngày làm việc cuối tháng;

- Đối với Lệnh thanh toán giá trị cao và Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ: 17 giờ 00 phút đối với ngày làm việc bình thường, 17 giờ 45 phút đối với 02 ngày làm việc cuối tháng;

c) Thời điểm thực hiện các công việc cuối ngày (kiểm tra các điều kiện đối chiếu, thực hiện đối chiếu, xác nhận số liệu với Trung tâm Xử lý Quốc gia): từ 17 giờ 15 phút đối với ngày làm việc bình thường, từ 18 giờ 00 phút đối với 02 ngày làm việc cuối tháng.

2. Trong trường hợp có thay đổi các thời điểm được quy định tại Khoản 1 Điều này, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định và thông báo bằng văn bản cho thành viên trước thời gian có hiệu lực tối thiểu 30 ngày trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Trong trường hợp có sự thay đổi về thời điểm được quy định tại Khoản 1 Điều này vào thời gian quyết toán năm hoặc Hệ thống TTLNH hoạt động vào các ngày nghỉ, Lễ, Tết thì Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định, đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH thông báo bằng văn bản cho thành viên và đăng tải trên cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước trước thời gian có hiệu lực tối thiểu 05 ngày làm việc.

Điều 10. Gia hạn thời gian nhận Lệnh thanh toán

1. Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH được phép thay đổi thời điểm nhận Lệnh thanh toán thêm tối đa 30 phút trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp do yêu cầu công việc, do Hệ thống TTLNH phát sinh lỗi tại Trung tâm Xử lý Quốc gia hoặc do các nguyên nhân khác từ phía Ngân hàng Nhà nước Trung ương;

b) Trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, thành viên đề nghị gia hạn thời gian nhận Lệnh thanh toán do sự cố kỹ thuật hoặc do khối lượng chứng từ phát sinh quá nhiều vào cuối giờ giao dịch.

2. Trường hợp thay đổi thời điểm nhận Lệnh thanh toán vượt quá 30 phút trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định, đồng thời gửi Vụ Thanh toán để giám sát.

3. Việc gia hạn thời gian nhận Lệnh thanh toán quy định tại Khoản 1, 2 Điều này được thông báo tới tất cả các thành viên Hệ thống TTLNH và các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước qua hộp thư điện tử đã đăng ký với đơn

vị vận hành Hệ thống TTLNH hoặc trên Hệ thống TTLNH trước thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị thấp đối với trường hợp gia hạn thời gian nhận Lệnh thanh toán giá trị thấp, trước thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao và Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ đối với trường hợp gia hạn thời gian nhận Lệnh thanh toán giá trị cao và Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ.

Điều 11. Ghi nhật ký và lưu trữ dữ liệu điện tử các giao dịch

1 Quá trình xử lý các giao dịch được Hệ thống TTLNH tự động ghi dưới dạng dữ liệu điện tử.

2. Hàng ngày, dữ liệu điện tử phải được lưu trữ ra các thiết bị mang tin (băng từ, đĩa cứng). Dữ liệu điện tử phải lưu trữ bao gồm:

a) Đối với mỗi thành viên, đơn vị thành viên, lưu trữ dữ liệu điện tử về các yêu cầu giao dịch và tin điện kết quả;

b) Đối với Trung tâm Xử lý Quốc gia, lưu trữ dữ liệu điện tử về các tin điện giao dịch, giao dịch hạch toán, dữ liệu đối chiếu và kết quả xử lý.

3. Việc quản lý tài liệu, dữ liệu điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Trường hợp cần thiết phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm soát, giải quyết tranh chấp, các đơn vị có trách nhiệm phải xuất trình dữ liệu nhật ký điện tử cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo mật thông tin của khách hàng.

Điều 12. Cấp phát, quản lý và sử dụng chữ ký điện tử tham gia Hệ thống TTLNH

1. Chữ ký điện tử được chia làm 4 loại:

a) Chữ ký điện tử của người lập lệnh;

b) Chữ ký điện tử của người kiểm soát lệnh;

c) Chữ ký điện tử của người duyệt lệnh;

d) Chữ ký điện tử của người duyệt truyền thông (viết tắt là Chữ ký điện tử truyền thông).

2. Chữ ký điện tử được phân cấp quản lý và sử dụng như sau:

a) Công cụ và phương tiện tạo chữ ký điện tử của người lập lệnh và người kiểm soát lệnh do thành viên, đơn vị thành viên tự cấp phát và quản lý theo quy trình xử lý tại từng đơn vị;

b) Khóa bí mật tạo chữ ký điện tử của người duyệt lệnh và chữ ký điện tử truyền thông được Ngân hàng Nhà nước cấp theo quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước. Người được giao quản lý, sử dụng chữ ký điện tử, khóa bí mật phải

bảo đảm bí mật và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để lộ chữ ký điện tử, khóa bí mật gây thiệt hại;

c) Việc tổ chức phân quyền người lập lệnh, người kiểm soát lệnh và người duyệt lệnh tại các thành viên, đơn vị thành viên do người có thẩm quyền của đơn vị quy định, đảm bảo nguyên tắc người lập lệnh độc lập với người kiểm soát lệnh và người duyệt lệnh.

Điều 13. Vấn tin và đối chiếu

1. Vấn tin:

Thành viên, đơn vị thành viên thực hiện vấn tin và tra cứu thông tin bằng cách gửi tin điện yêu cầu vấn tin hoặc thông qua trang thông tin điện tử cung cấp thông tin. Hệ thống TTLNH tự động kiểm tra tính hợp lệ của các yêu cầu này và cung cấp thông tin trả lời.

2. Đối chiếu kết quả thanh toán:

a) Việc đối chiếu kết quả thanh toán được thực hiện hàng ngày vào thời điểm Hệ thống TTLNH hoàn tất công việc xử lý cuối ngày;

b) Số liệu đã quyết toán trong ngày tại Trung tâm Xử lý Quốc gia là căn cứ gốc để đối chiếu kết quả thanh toán;

c) Toàn bộ Lệnh thanh toán phát sinh phải được đối chiếu khớp đúng giữa số liệu tại Trung tâm Xử lý Quốc gia và các thành viên, đơn vị thành viên ngay trong ngày, trừ trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật, truyền thông dẫn đến việc đối chiếu tại thành viên, đơn vị thành viên không thể hoàn thành trong ngày;

d) Việc đối chiếu Lệnh thanh toán được thực hiện cho từng ngày riêng biệt. Trong trường hợp có sự cố không thể hoàn thành trong ngày theo quy định, thì việc đối chiếu được phép kéo dài sang ngày làm việc kế tiếp sau khi sự cố được khắc phục. Tuy nhiên, việc đối chiếu dù thực hiện vào ngày kế tiếp nhưng vẫn phải phản ánh theo ngày phát sinh Lệnh thanh toán;

đ) Trung tâm Xử lý Quốc gia tự động tạo dữ liệu đối chiếu cuối ngày cho các thành viên, đơn vị thành viên thực hiện đối chiếu;

e) Các thành viên, đơn vị thành viên nhận số liệu và đối chiếu với số liệu Lệnh thanh toán thực gửi và nhận trong ngày theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 37 Thông tư này.

Trong trường hợp phát sinh sai sót, các thành viên, đơn vị thành viên phải thông báo và phối hợp với đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH để xử lý.

Điều 14. Hoạt động của Trung tâm Xử lý Quốc gia

1. Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ điện tử bao gồm:

a) Loại và khuôn dạng của các dữ liệu;

b) Tính hợp lệ (có thẩm quyền) của người duyệt lệnh;

c) Ngày, tháng, năm;

d) Tính duy nhất;

đ) Các yếu tố bắt buộc đối với Lệnh thanh toán;

e) Mã xác nhận tin điện;

g) Mã đơn vị tham gia, mã thiết bị sử dụng đầu cuối, mã người duyệt.

2. Thực hiện xử lý các Lệnh thanh toán, Lệnh hủy Lệnh thanh toán hợp lệ; thông báo theo yêu cầu về Lệnh thanh toán và kết quả xử lý Lệnh thanh toán cho các thành viên, đơn vị thành viên liên quan đến Lệnh thanh toán đó.

3. Đối chiếu Lệnh thanh toán với các thành viên, đơn vị thành viên trong Hệ thống TTLNH.

4. Từ chối thực hiện thanh toán các Lệnh thanh toán không hợp lệ, Lệnh hủy Lệnh thanh toán không hợp lệ, Lệnh thanh toán gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH ngừng nhận Lệnh thanh toán.

5. Từ chối thực hiện thanh toán các Lệnh thanh toán giá trị cao, Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ đối với các thành viên không đủ số dư trong tài khoản thanh toán của loại tiền tương ứng.

6. Thông báo trạng thái Lệnh thanh toán Có giá trị cao không thành công cho đơn vị khởi tạo lệnh nếu sau thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao trên tài khoản của đơn vị khởi tạo lệnh không đủ số dư để thực hiện thanh toán hoặc Lệnh thanh toán Có giá trị cao gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao.

7. Thông báo trạng thái Lệnh thanh toán Có bằng ngoại tệ không thành công cho đơn vị khởi tạo lệnh nếu sau thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ trên tài khoản loại tiền tương ứng của đơn vị khởi tạo lệnh không đủ số dư để thực hiện thanh toán hoặc Lệnh thanh toán Có bằng ngoại tệ gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH ngừng nhận Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ.

8. Thông báo trạng thái Lệnh thanh toán Nợ giá trị cao không thành công cho đơn vị khởi tạo lệnh nếu sau thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao trên tài khoản của đơn vị nhận lệnh không đủ số dư để thực hiện thanh toán hoặc Lệnh thanh toán Nợ giá trị cao gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao.

9. Thông báo trạng thái Lệnh thanh toán Nợ bằng ngoại tệ không thành công cho đơn vị khởi tạo lệnh nếu sau thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán

bằng ngoại tệ trên tài khoản loại tiền tương ứng của đơn vị nhận lệnh không đủ số dư để thực hiện thanh toán hoặc Lệnh thanh toán Nợ bằng ngoại tệ gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH ngừng nhận Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ.

10. Thông báo trạng thái Lệnh thanh toán giá trị thấp không thành công cho đơn vị khởi tạo lệnh nếu sau thời điểm Hệ thống TTLNH thực hiện quyết toán bù trừ đơn vị khởi tạo lệnh thiếu hạn mức nợ ròng hiện thời hoặc Lệnh thanh toán giá trị thấp gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị thấp.

11. Tự động gửi tin điện kết quả bù trừ giá trị thấp cho cấu phần Xử lý tài khoản để hạch toán cho các thành viên tham gia quyết toán bù trừ giá trị thấp trong ngày.

12. Việc xử lý kết quả quyết toán ròng từ các hệ thống khác được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư này.

Điều 15. Hoạt động của hệ thống dự phòng

1. Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng hoạt động thay thế cho Trung tâm Xử lý Quốc gia khi Trung tâm Xử lý Quốc gia bị sự cố không thể vận hành bình thường.

2. Trong thời gian Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng hoạt động thay thế Trung tâm Xử lý Quốc gia, Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng có chức năng hoạt động như quy định tại Điều 14 Thông tư này.

3. Mọi dữ liệu và kết quả xử lý tại Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng có giá trị pháp lý như đối với Trung tâm Xử lý Quốc gia.

Chương III

LỆNH THANH TOÁN TRONG TTLNH

Điều 16. Quy trình tạo lập Lệnh thanh toán

1. Đối với Lệnh thanh toán khởi tạo từ chứng từ giấy:

a) Người lập lệnh thực hiện khởi tạo Lệnh thanh toán qua các bước sau:

- Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp chứng từ giao dịch thanh toán của khách hàng;

- Xác định, phân loại Lệnh thanh toán để xử lý;

- Đối chiếu, kiểm tra số dư tài khoản của khách hàng;

- Nhập các thông tin cơ bản sau: Đơn vị khởi tạo lệnh (tên, mã ngân hàng), số tiền, tên, địa chỉ, tài khoản (nếu có), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu của người phát lệnh hoặc mã số doanh

nghiệp (đối với Người phát lệnh là doanh nghiệp), đơn vị phục vụ người phát lệnh, đơn vị nhận lệnh (tên, mã ngân hàng), tên, địa chỉ, tài khoản (nếu có), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp và nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người nhận lệnh, đơn vị phục vụ người nhận lệnh, nội dung chuyển tiền và các nội dung khác liên quan đến giao dịch trên thị trường liên ngân hàng, giao dịch nộp ngân sách Nhà nước, giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ và các loại giao dịch khác (nếu có) theo Mẫu số TTLNH-04;

- Kiểm soát lại các dữ liệu đã nhập và ký chữ ký điện tử vào Lệnh thanh toán;

- Ký trên chứng từ, chuyển chứng từ và dữ liệu đã nhập cho người kiểm soát lệnh;

b) Người kiểm soát lệnh:

- Căn cứ nội dung trên các chứng từ liên quan, kiểm soát lại các yếu tố: đơn vị nhận lệnh, đơn vị phục vụ người phát lệnh, đơn vị phục vụ người nhận lệnh, số tiền để kiểm tra dữ liệu do người lập lệnh đã nhập, nội dung thanh toán;

- Nếu phát hiện có sai sót thì chuyển trả người lập lệnh;

- Nếu dữ liệu đúng thì ký chữ ký điện tử vào Lệnh thanh toán, ký trên chứng từ và chuyển cho người duyệt lệnh;

c) Người duyệt lệnh:

- Kiểm tra sự khớp đúng giữa số liệu trên chứng từ gốc và số liệu trên màn hình;

- Nếu phát hiện sai sót thì chuyển trả người lập lệnh hoặc người kiểm soát lệnh;

- Nếu dữ liệu đúng thì ký trên chứng từ, ký chữ ký điện tử của mình vào Lệnh thanh toán để chuyển đi.

2. Đối với Lệnh thanh toán tạo từ chứng từ điện tử:

Trường hợp Lệnh thanh toán được tạo từ chứng từ điện tử từ các hệ thống nội bộ của thành viên, đơn vị thành viên thì phải tuân thủ quy định về cấu trúc, định dạng dữ liệu do Ngân hàng Nhà nước quy định và đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Nếu chứng từ điện tử hợp lệ nhưng chưa đầy đủ thông tin theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này: người lập lệnh bổ sung các nội dung còn thiếu theo quy định lập Lệnh thanh toán; người kiểm soát lệnh và người duyệt lệnh kiểm tra lại các yếu tố tương tự như đối với trường hợp chứng từ giấy để bảo

đảm tính chính xác và ký chữ ký điện tử của mình vào Lệnh thanh toán để chuyển đi;

b) Nếu chứng từ điện tử hợp lệ, đầy đủ thông tin theo quy định lập Lệnh thanh toán và bao gồm chữ ký điện tử an toàn nội bộ của thành viên, các đơn vị lựa chọn phương án ký chữ ký điện tử trên Lệnh thanh toán theo phương pháp thủ công hoặc lựa chọn ký chữ ký điện tử theo phương pháp tự động đối với từng Lệnh thanh toán;

c) Nếu các chứng từ điện tử đầu vào hợp lệ, có đầy đủ thông tin theo quy định lập Lệnh thanh toán và đảm bảo các điều kiện về an ninh, an toàn và tính chính xác của dữ liệu, người có thẩm quyền của các đơn vị quyết định về việc cho phép chỉ cần người duyệt lệnh ký chữ ký điện tử trên Lệnh thanh toán và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định này hoặc thực hiện theo Điểm a Khoản 2 Điều này.

3. Sau khi Lệnh thanh toán đã được gửi đi và nhận được kết quả trạng thái thành công, Lệnh thanh toán đó có thể in ra chứng từ giấy nếu có yêu cầu.

4. Lệnh thanh toán bằng loại đồng tiền nào sẽ được Hệ thống TTLNH xử lý, hạch toán trên tài khoản thanh toán của loại đồng tiền tương ứng đó của thành viên mở tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước (sau đây viết tắt là Sở Giao dịch).

Điều 17. Kiểm tra tính hợp lệ Lệnh thanh toán

Trong quá trình sử dụng, các thành viên, đơn vị thành viên phải chịu trách nhiệm pháp lý về tính hợp pháp của chứng từ dùng để lập Lệnh thanh toán tại đơn vị. Thành viên, đơn vị thành viên phải kiểm tra tính hợp lệ của Lệnh thanh toán, thông tin kiểm tra gồm:

1. Loại và khuôn dạng của các dữ liệu;

2. Tính hợp lệ (có thẩm quyền) của người lập lệnh, người kiểm soát lệnh, người duyệt lệnh;

3. Ngày, tháng, năm;

4. Tính duy nhất;

5. Các yếu tố bắt buộc đối với Lệnh thanh toán;

6. Mã xác nhận tin điện;

7. Mã đơn vị tham gia, mã thiết bị sử dụng đầu cuối và mã người duyệt.

Điều 18. Hạch toán tại thành viên, đơn vị thành viên

Các thành viên, đơn vị thành viên thực hiện hạch toán Lệnh thanh toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Hạch toán và xử lý các Lệnh thanh toán tại Sở Giao dịch

Sở Giao dịch căn cứ Bảng kê được lập hàng ngày trên dữ liệu điện tử (theo các Mẫu số TTLNH-10, TTLNH-11, TTLNH-12, TTLNH-13, TTLNH-14, TTLNH-15 kèm theo Thông tư này) để làm cơ sở thực hiện kiểm soát, đối chiếu, hạch toán, kiểm toán và lưu trữ.

Chương IV

XỬ LÝ QUYẾT TOÁN BÙ TRỪ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN VÀ KẾT QUẢ QUYẾT TOÁN RÒNG TỪ CÁC HỆ THỐNG KHÁC

Điều 20. Hạn mức nợ ròng

1. Thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày

a) Các thành viên tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp phải thiết lập, duy trì và quản lý hạn mức nợ ròng;

b) Các thành viên tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp phải tự tính hạn mức nợ ròng đầu ngày trên cơ sở căn cứ doanh số giao dịch giá trị thấp của kỳ trước và gửi giấy đề nghị thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày đến Sở Giao dịch. Hạn mức nợ ròng đầu ngày của mỗi thành viên được tính theo công thức sau:

Hạn mức nợ ròng đầu ngày = Mức chênh lệch (phải trả - phải thu) bình quân ngày của thành viên xét trong 6 tháng liền trước của kỳ thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày.

Trong trường hợp hạn mức nợ ròng đầu ngày tính toán bằng không hoặc âm thì hạn mức nợ ròng đầu ngày được thiết lập căn cứ trên tình hình thanh toán thực tế kỳ liền trước, hạn mức nợ ròng đầu ngày kỳ liền trước, giấy tờ có giá và/hoặc tiền ký quỹ và nhu cầu thanh toán giá trị thấp của thành viên.

Trong trường hợp thành viên tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp có thời gian chưa đủ 6 tháng thì hạn mức nợ ròng đầu ngày của thành viên đó được thiết lập bằng giá trị của giấy tờ có giá và/hoặc tiền ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng của thành viên.

Sở Giao dịch kiểm tra tính đúng đắn về số học, kết hợp với nhu cầu thanh toán giá trị thấp thực tế, giấy tờ có giá hoặc tiền ký quỹ của các thành viên và thông báo kết quả để thành viên thực hiện;

c) Việc thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày được thực hiện 6 tháng một lần vào thời gian 5 ngày làm việc đầu tiên của tháng 1 và tháng 7 hàng năm;

d) Các thành viên tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp thực hiện ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày theo quy định tại Điều 21

Thông tư này.

2. Điều chỉnh hạn mức nợ ròng đầu ngày

a) Sở Giao dịch có thể yêu cầu thành viên tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp điều chỉnh giảm hạn mức nợ ròng đầu ngày nếu thấy hạn mức này quá cao sau khi xem xét khả năng thanh toán và giấy tờ có giá hoặc tiền ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng của thành viên này;

b) Trong kỳ thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày, mỗi thành viên có thể yêu cầu Sở Giao dịch xem xét và quyết định điều chỉnh hạn mức nợ ròng đầu ngày phù hợp theo tình hình thanh toán của thành viên. Trong trường hợp điều chỉnh tăng thì tỷ lệ ký quỹ để thiết lập phần hạn mức nợ ròng đầu ngày tăng thêm tối thiểu là 100%.

3. Điều chỉnh hạn mức nợ ròng đầu ngày tạm thời trong ngày

a) Trong ngày làm việc, nếu thành viên yêu cầu điều chỉnh tăng hạn mức nợ ròng đầu ngày tạm thời trong ngày thì phần giá trị tăng thêm tạm thời trong ngày của hạn mức nợ ròng đầu ngày được xử lý như sau:

Nếu thành viên sử dụng giấy tờ có giá hoặc tiền ký quỹ để yêu cầu tăng hạn mức nợ ròng thì thành viên phải thực hiện ký quỹ giấy tờ có giá hoặc ký quỹ bằng tiền. Giá trị của giấy tờ có giá ký quỹ bổ sung hoặc số tiền ký quỹ bổ sung phải tối thiểu bằng phần giá trị tăng thêm tạm thời trong ngày của hạn mức nợ ròng đầu ngày. Trong trường hợp giá trị của giấy tờ có giá ký quỹ bổ sung hoặc số tiền ký quỹ bổ sung không đủ thì không thực hiện yêu cầu này.

Nếu thành viên sử dụng số dư tài khoản thanh toán để yêu cầu tăng hạn mức nợ ròng đầu ngày thì Sở Giao dịch trích nợ số tiền trên tài khoản thanh toán của thành viên đó có giá trị bằng phần giá trị tăng thêm tạm thời trong ngày của hạn mức nợ ròng đầu ngày để thực hiện ký quỹ. Trong trường hợp số dư tài khoản thanh toán của thành viên không đủ thì không thực hiện yêu cầu này.

Sau khi hoàn thành việc quyết toán bù trừ giá trị thấp trong ngày, Sở Giao dịch thực hiện hoàn trả giấy tờ có giá ký quỹ bổ sung khi thành viên có yêu cầu hoặc số tiền ký quỹ bổ sung cho thành viên. Đồng thời hạn mức nợ ròng được điều chỉnh về bằng hạn mức nợ ròng đầu ngày. Hạn mức nợ ròng đầu ngày tạm thời trong ngày được xác định như sau:

Hạn mức nợ ròng đầu ngày tạm thời trong ngày = Hạn mức nợ ròng đầu ngày + Phần giá trị tăng thêm tạm thời trong ngày của hạn mức nợ ròng đầu ngày;

b) Trong trường hợp cần thiết để bảo đảm khả năng thanh toán của các thành viên, Sở Giao dịch xem xét điều chỉnh giảm hạn mức nợ ròng đầu ngày

tạm thời trong ngày của các thành viên. Sau khi hoàn thành việc quyết toán bù trừ giá trị thấp, hạn mức nợ ròng được điều chỉnh về bằng hạn mức nợ ròng đầu ngày. Hạn mức nợ ròng đầu ngày tạm thời trong ngày được xác định như sau:

Hạn mức nợ ròng đầu ngày tạm thời trong ngày = Hạn mức nợ ròng đầu ngày - Phần giá trị giảm tạm thời trong ngày của hạn mức nợ ròng đầu ngày.

4. Quản lý hạn mức nợ ròng hiện thời

Hạn mức nợ ròng hiện thời = Hạn mức nợ ròng đầu ngày tạm thời trong ngày + Tổng các khoản tiền phải thu của Lệnh thanh toán giá trị thấp tính từ đầu ngày đến hiện thời – Tổng các khoản tiền phải trả của Lệnh thanh toán giá trị thấp tính từ đầu ngày đến hiện thời.

Đầu ngày làm việc, các thành viên tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp được cấp hạn mức nợ ròng đầu ngày. Tại mỗi thời điểm trong ngày làm việc, hạn mức nợ ròng hiện thời có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) tuỳ thuộc vào hoạt động giao dịch thanh toán giá trị thấp của các thành viên và đơn vị thành viên. Hạn mức nợ ròng hiện thời là cơ sở để thực hiện gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp của thành viên, đơn vị thành viên.

5. Để biết thông tin về hạn mức nợ ròng hiện thời, các thành viên thực hiện tra cứu trên Hệ thống TTLNH.

Điều 21. Quy định về ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng

1. Giấy tờ có giá được sử dụng ký quỹ (sau đây gọi tắt là giấy tờ có giá ký quỹ) để thiết lập hạn mức nợ ròng trong thanh toán giá trị thấp là giấy tờ có giá được sử dụng trong giao dịch thấu chi và cho vay qua đêm trong TTLNH.

2. Tiền ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng trong thanh toán giá trị thấp là tiền trong tài khoản của thành viên mở tại Sở Giao dịch.

3. Tỷ lệ ký quỹ

a) Thành viên tham gia thanh toán giá trị thấp thực hiện ký quỹ giấy tờ có giá và/hoặc tiền trong tài khoản tại Sở Giao dịch, tỷ lệ ký quỹ tối thiểu bằng 10% hạn mức nợ ròng đầu ngày do Sở Giao dịch thông báo cho thành viên. Trong trường hợp cần thiết, để đảm bảo an toàn Hệ thống TTLNH, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thay đổi tỷ lệ ký quỹ tối thiểu tại Điểm này theo đề xuất của Ban Điều hành Hệ thống TTLNH;

b) Nếu thành viên không đủ số dư quyết toán bù trừ tại thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao từ 02 lần trở lên trong một tháng hoặc từ 03 lần trở lên trong kỳ duy trì thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày, Sở Giao dịch báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định giảm hạn mức nợ ròng đầu ngày của thành viên bằng giá trị giấy tờ có giá và/hoặc tiền ký quỹ và duy

trì tỷ lệ ký quỹ của thành viên đó tại Sở Giao dịch bằng 100% trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày có quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

4. Thời điểm nộp giấy tờ có giá hoặc tiền ký quỹ:

a) Đối với trường hợp điều chỉnh tăng hạn mức nợ ròng đầu ngày tạm thời trong ngày: Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ có giá hoặc tiền ký quỹ, Sở Giao dịch thực hiện thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày tạm thời trong ngày và thông báo cho thành viên đó;

b) Đối với trường hợp thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày lần đầu hoặc định kỳ: Thành viên tham gia gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp phải nộp giấy tờ có giá hoặc tiền ký quỹ và văn bản đề nghị thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày cho Sở Giao dịch. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao dịch nhận được giấy tờ có giá hoặc tiền ký quỹ và văn bản đề nghị thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày, Sở Giao dịch thực hiện thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày và thông báo cho thành viên bằng văn bản.

5. Hoàn trả các giấy tờ có giá hoặc tiền ký quỹ

a) Việc hoàn trả giấy tờ có giá ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc lưu ký và sử dụng giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước đăng tải thông tin về việc ngừng tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp của thành viên và thành viên đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Ngân hàng Nhà nước trên Hệ thống TTLNH, Sở Giao dịch thực hiện hoàn trả tiền ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng cho thành viên đó.

Điều 22. Xử lý thiếu hạn mức nợ ròng trong thanh toán giá trị thấp

Trường hợp số tiền trên Lệnh thanh toán vượt quá hạn mức nợ ròng hiện thời, việc xử lý được thực hiện như sau:

1. Hệ thống tự động thông báo cho thành viên để thực hiện tăng ngay hạn mức nợ ròng theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Thông tư này để thực hiện xử lý Lệnh thanh toán;

2. Khi đủ hạn mức nợ ròng hiện thời, Lệnh thanh toán được thực hiện theo theo thứ tự đến trước xử lý trước;

3. Đến thời điểm Hệ thống TTLNH ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị thấp, các Lệnh thanh toán vượt quá hạn mức nợ ròng hiện thời bị hủy. Các thành viên và đơn vị thành viên thực hiện vấn tin để kiểm tra tình trạng của các Lệnh thanh toán này.

Điều 23. Thực hiện quyết toán bù trừ

Trung tâm Xử lý Quốc gia thực hiện quyết toán bù trừ như sau:

1. Ngừng tiếp nhận các Lệnh thanh toán giá trị thấp trên toàn hệ thống;

2. Kiểm tra và thực hiện tính toán hạn mức nợ ròng hiện thời đối với các Lệnh thanh toán giá trị thấp chưa được tính toán hạn mức nợ ròng hiện thời;

3. Loại bỏ và trả lại thành viên, đơn vị thành viên Lệnh thanh toán giá trị thấp với tình trạng thiếu hạn mức nợ ròng hiện thời;

4. Căn cứ trên các Lệnh thanh toán giá trị thấp với tình trạng đủ hạn mức nợ ròng hiện thời, tính toán kết quả chênh lệch giữa các khoản tiền phải thu trừ các khoản tiền phải trả của từng thành viên;

5. Kết quả bù trừ giá trị thấp được Cấu phần Xử lý tài khoản tự động thực hiện hạch toán.

Điều 24. Theo dõi và thông báo tình trạng quyết toán bù trừ

Sở Giao dịch thực hiện theo dõi tình trạng quyết toán bù trừ qua Hệ thống TTLNH theo trình tự sau:

1. Kiểm tra xác định khả năng thanh toán của thành viên so với hiệu số giữa hạn mức nợ ròng đầu ngày và hạn mức nợ ròng hiện thời;

2. Trường hợp thành viên thiếu khả năng thanh toán, thông báo tình trạng thiếu vốn cho thành viên và yêu cầu thành viên có các biện pháp bổ sung vốn cần thiết, kiểm tra tình hình thực hiện bổ sung vốn vào tài khoản thanh toán của thành viên đã được thông báo thiếu vốn;

3. Trường hợp sau thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao mà việc quyết toán bù trừ vẫn chưa thành công do thành viên thiếu số dư thì Sở Giao dịch lập báo cáo thành viên thiếu vốn (Mẫu số TTLNH-25) và thông báo cho đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH và thành viên thiếu số dư.

Điều 25. Xử lý kết quả quyết toán ròng từ các Hệ thống khác

1. Hệ thống TTLNH được phép tiếp nhận và xử lý kết quả quyết toán ròng từ Hệ thống bù trừ tự động (ACH), Hệ thống bù trừ thẻ và các Hệ thống thanh toán bù trừ khác.

2. Việc xử lý kết quả quyết toán ròng được thực hiện bằng phương thức xử lý theo lô trên cơ sở đủ số dư tài khoản thanh toán của các thành viên tham gia quyết toán. Trong trường hợp tài khoản thanh toán của thành viên không đủ số dư, xử lý như sau:

a) Thành viên thực hiện thấu chi trong hạn mức được cấp theo quy định về việc thấu chi thấu chi và cho vay qua đêm trong TTLNH của Ngân hàng Nhà

nước để xử lý kết quả quyết toán ròng;

b) Khi thành viên sử dụng hết hạn mức thấu chi được Ngân hàng Nhà nước cấp mà vẫn không đủ vốn quyết toán thì kết quả quyết toán ròng đó được chuyển vào hàng đợi quyết toán. Khi đủ số dư trên tài khoản thanh toán thì kết quả quyết toán ròng được xử lý tiếp;

c) Thành viên chủ động thực hiện tăng số dư tài khoản thanh toán từ nguồn vốn của chính thành viên hoặc thông qua các giao dịch trên thị trường tiền tệ hoặc vay vốn lẫn nhau trên thị trường liên ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Đến thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao của ngày làm việc, sau khi đã thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này mà có ít nhất một thành viên tham gia quyết toán vẫn không đủ vốn để xử lý kết quả quyết toán ròng thì Hệ thống TTLNH thực hiện hủy kết quả quyết toán ròng và thông báo trạng thái không thành công.

4. Để sử dụng dịch vụ quyết toán ròng cho các hệ thống khác, đơn vị chủ trì hệ thống thanh toán bù trừ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Gửi văn bản đăng ký kết nối Hệ thống TTLNH theo Mẫu số TTLNH-29 đến Ngân hàng Nhà nước (đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH) qua mạng máy tính;

b) Yêu cầu về nguồn nhân lực:

- Có tối thiểu 02 cán bộ vận hành được Ngân hàng Nhà nước cấp chứng chỉ hoặc giấy xác nhận đã tham gia đào tạo về quy trình xử lý nghiệp vụ và quy trình vận hành Hệ thống TTLNH;

- Đối với cán bộ được giao trách nhiệm hoặc uỷ quyền thực hiện truyền, nhận dữ liệu thanh toán, ký duyệt Lệnh thanh toán phải có chữ ký điện tử do Ngân hàng Nhà nước cấp theo quy định tại Thông tư về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước;

c) Yêu cầu về kỹ thuật:

- Có hệ thống chính và hệ thống dự phòng đối với phần mềm, cơ sở dữ liệu;

- Có tối thiểu 01 đường truyền chính và 01 đường truyền dự phòng thuộc 02 nhà cung cấp dịch vụ khác nhau kết nối đến Hệ thống TTLNH;

- Có tối thiểu 02 chữ ký điện tử được kích hoạt thành công (01 chữ ký truyền thông và 01 chữ ký ký duyệt);

d) Thành viên tham gia quyết toán phải là thành viên Hệ thống TTLNH;

đ) Có văn bản thỏa thuận trước về việc thực hiện nghĩa vụ quyết toán bù trừ giữa đơn vị chủ trì hệ thống thanh toán bù trừ và các thành viên tham gia quyết toán, văn bản thỏa thuận này phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.

5. Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước khi có sự thay đổi về đơn vị chủ trì hệ thống thanh toán bù trừ kết nối đến Hệ thống TTLNH.

Chương V

XỬ LÝ THIẾU VỐN TRONG TTLNH

Điều 26. Xử lý hàng đợi quyết toán và giải toả

1. Trường hợp tài khoản của một thành viên không đủ khả năng thanh toán thì Trung tâm Xử lý Quốc gia xử lý như sau:

a) Giữ lại các Lệnh thanh toán giá trị cao hoặc kết quả bù trừ giá trị thấp hoặc kết quả quyết toán ròng từ các hệ thống khác tại hàng đợi quyết toán đối với thanh toán bằng Đồng Việt Nam;

b) Giữ lại các Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ đối với thanh toán bằng loại ngoại tệ tương ứng;

c) Khi tiền được bổ sung vào tài khoản thanh toán của loại tiền tương ứng của thành viên thiếu hụt đó, Trung tâm Xử lý Quốc gia thực hiện xử lý các Lệnh thanh toán theo thứ tự đến trước xử lý trước. Trường hợp Lệnh thanh toán với khoản tiền vượt quá số dư trong tài khoản thanh toán của thành viên gây ách tắc cho việc xử lý các Lệnh thanh toán khác trong hàng đợi quyết toán thì Trung tâm Xử lý Quốc gia có thể chuyển (đảo hàng đợi) các Lệnh thanh toán trong hàng đợi quyết toán có số tiền nhỏ hơn hoặc bằng số dư trong tài khoản thanh toán của thành viên lên xử lý trước theo thứ tự đến trước xử lý trước. Các thành viên, đơn vị thành viên thực hiện vấn tin để kiểm tra tình trạng các Lệnh thanh toán trong hàng đợi quyết toán;

d) Thực hiện quản lý hàng đợi quyết toán như sau:

- Kiểm tra số dư các tài khoản thanh toán theo định kỳ;

- Thực hiện quyết toán theo thứ tự sau: kết quả bù trừ giá trị thấp, kết quả quyết toán ròng từ các hệ thống khác, các Lệnh thanh toán giá trị cao và Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ nếu đủ số dư tài khoản thanh toán của loại tiền tương ứng;

- Xử lý các yêu cầu hủy bỏ Lệnh thanh toán theo nguyên tắc đến trước xử lý trước.

2. Các thành viên, đơn vị thành viên chỉ được thực hiện hủy Lệnh thanh toán giá trị cao, Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ trong hàng đợi quyết toán và Lệnh thanh toán giá trị thấp trong hàng đợi xử lý tại Trung tâm Xử lý Quốc gia:

a) Nhận được Lệnh hủy Lệnh thanh toán từ đơn vị khởi tạo lệnh, Trung tâm Xử lý Quốc gia căn cứ nhật ký để kiểm tra tính hợp lệ của Lệnh hủy Lệnh thanh toán;

b) Nếu đó là Lệnh hủy Lệnh thanh toán hợp lệ và đang chờ trong hàng đợi quyết toán (đối với Lệnh thanh toán giá trị cao, Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ) hoặc hàng đợi xử lý (đối với Lệnh thanh toán giá trị thấp) tại Trung tâm Xử lý Quốc gia thì quá trình hủy được thực hiện; kết quả hủy được thông báo cho đơn vị khởi tạo lệnh. Nếu Lệnh thanh toán được yêu cầu hủy không có trong hàng đợi, hệ thống gửi thông báo tình trạng Lệnh thanh toán được yêu cầu hủy cho đơn vị khởi tạo lệnh.

Điều 27. Xử lý trong trường hợp tài khoản thanh toán không đủ số dư để thực hiện thanh toán, quyết toán

1. Đối với Lệnh thanh toán giá trị cao bằng Đồng Việt Nam:

a) Thành viên (trừ Kho bạc Nhà nước) thực hiện thấu chi trong hạn mức đã được cấp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc thấu chi và cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng để xử lý các Lệnh thanh toán giá trị cao;

b) Trường hợp tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước không đủ số dư để thực hiện thanh toán và trường hợp thành viên sử dụng hết hạn mức thấu chi được Ngân hàng Nhà nước cấp mà vẫn không đủ vốn để thực hiện thanh toán, Lệnh thanh toán đó được chuyển vào hàng đợi quyết toán chờ đến khi đủ số dư trên tài khoản thanh toán thì Lệnh thanh toán được xử lý tiếp;

c) Thành viên chủ động thực hiện tăng số dư tài khoản thanh toán từ nguồn vốn của chính thành viên hoặc thành viên (trừ Kho bạc Nhà nước) thực hiện tăng số dư tài khoản thông qua các giao dịch trên thị trường tiền tệ hoặc vay vốn lẫn nhau trên thị trường liên ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Đến thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao, nếu tài khoản thanh toán vẫn không đủ số dư quyết toán thì những Lệnh thanh toán giá trị cao lưu trong hàng đợi quyết toán tự động bị hủy bỏ. Các thành viên, đơn vị thành viên thực hiện dịch vụ vấn tin để kiểm tra tình trạng của các Lệnh thanh toán này.

2. Đối với Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ:

a) Thành viên chủ động thực hiện tăng số dư tài khoản thanh toán từ nguồn vốn của chính thành viên hoặc thành viên (trừ Kho bạc Nhà nước) vay vốn lẫn nhau theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Đến thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán bằng Ngoại tệ, nếu tài khoản thanh toán của loại tiền tương ứng vẫn không đủ số dư quyết toán thì những Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ lưu trong hàng đợi quyết toán tự động bị hủy bỏ. Các thành viên, đơn vị thành viên thực hiện vấn tin để kiểm tra tình trạng của các Lệnh thanh toán này.

3. Đối với kết quả bù trừ giá trị thấp:

a) Thành viên (trừ Kho bạc Nhà nước) thực hiện thấu chi trong hạn mức đã được cấp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc thấu chi và cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng để quyết toán kết quả bù trừ;

b) Thành viên chủ động thực hiện tăng số dư tài khoản thanh toán từ nguồn vốn của chính thành viên hoặc thành viên (trừ Kho bạc Nhà nước) thực hiện tăng số dư tài khoản thanh toán thông qua các giao dịch trên thị trường tiền tệ hoặc vay vốn lẫn nhau trên thị trường liên ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Trong trường hợp thành viên không có khả năng thanh toán các khoản phải trả ròng vào thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao, sau khi đã thực hiện trích nợ tiền ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng từ tài khoản ký quỹ của thành viên (nếu có) mà vẫn không đủ số dư quyết toán thì thành viên (trừ Kho bạc Nhà nước) lập Giấy nhận nợ ngân hàng thiếu vốn giá trị thấp (Mẫu TTLNH-28) gửi Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) để thực hiện giải pháp cho vay thanh toán bù trừ với lãi suất bằng lãi suất cho vay qua đêm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ;

d) Khi có thông báo của Sở Giao dịch về việc thiếu số dư tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước mở tại Sở Giao dịch để quyết toán bù trừ giá trị thấp, sau khi đã thực hiện trích nợ tiền ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng từ tài khoản ký quỹ của Kho bạc Nhà nước mà vẫn không đủ số dư quyết toán thì Kho bạc Nhà nước phải có các biện pháp bổ sung số dư tài khoản ngay trong ngày để đảm bảo việc xử lý kết quả bù trừ. Trong trường hợp Kho bạc Nhà nước không bổ sung vốn kịp thời trong ngày thì Kho bạc Nhà nước bị xử lý theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 41 Thông tư này.

4. Đối với kết quả quyết toán ròng từ hệ thống khác xử lý theo quy định

tại Khoản 2, 3 Điều 25 Thông tư này.

Điều 28. Xử lý trường hợp thành viên có dư nợ vay thanh toán bù trừ quá hạn

1. Ngày làm việc liền kề tiếp theo ngày phát sinh khoản cho vay thanh toán bù trừ, thành viên thực hiện trả dư nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp đến cuối ngày làm việc liền kề tiếp theo ngày phát sinh khoản vay thanh toán bù trừ mà thành viên vẫn chưa trả hết dư nợ vay (gốc và lãi) thì Ngân hàng Nhà nước (Sở giao dịch) thực hiện chuyển số dư nợ cho vay thanh toán bù trừ chưa thanh toán sang dư nợ quá hạn; lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn, lãi suất đối với lãi vay chậm trả bằng lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc vay qua đêm quá hạn, lãi suất đối với lãi vay qua đêm chậm trả theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc thấu chi và cho vay qua đêm trong TTLNH.

2. Vào ngày làm việc liền kề tiếp theo ngày phát sinh khoản vay thanh toán bù trừ quá hạn, Ngân hàng Nhà nước (Sở giao dịch) thực hiện các biện pháp thu hồi dư nợ cho vay thanh toán bù trừ quá hạn (bao gồm dư nợ gốc vay thanh toán bù trừ quá hạn, lãi suất vay thanh toán bù trừ chậm trả, lãi quá hạn của dư nợ gốc vay thanh toán bù trừ, lãi đối với lãi vay thanh toán bù trừ chậm trả) theo nguyên tắc thu gốc trước, thu lãi sau và thông báo cho thành viên biết. Cụ thể như sau:

a) Thực hiện trích tài khoản thanh toán bằng Đồng Việt Nam của thành viên tại Sở Giao dịch để thu hồi dư nợ vay thanh toán bù trừ quá hạn;

b) Yêu cầu tổ chức lưu ký giấy tờ có giá thực hiện chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá từ thành viên cho Ngân hàng Nhà nước để thu hồi nợ. Việc xử lý giấy tờ có giá để thu hồi nợ vay thanh toán bù trừ quá hạn áp dụng như xử lý trường hợp tổ chức tín dụng có dư nợ vay qua đêm quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc thấu chi và cho vay qua đêm trong TTLNH;

c) Trường hợp sau khi thực hiện các biện pháp quy định tại Điểm a, b Khoản này mà vẫn không đủ để thu hồi dư nợ cho vay thanh toán bù trừ quá hạn, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện chia sẻ cho các thành viên tham gia quyết toán bù trừ còn lại trong phiên quyết toán bù trừ (trừ Kho bạc Nhà nước) và thông báo khoản tiền phân bổ cho từng thành viên. Số tiền phải chia sẻ của mỗi thành viên tham gia quyết toán bù trừ còn lại được xác định theo công thức:

Số tiền phải chia sẻ của thành viên thứ i = $A \times \frac{B_i}{C}$

Trong đó:

A: Tổng số tiền phải chia sẻ dư nợ cho vay thanh toán bù trừ quá hạn còn lại của các thành viên.

Bi: Số tiền trung bình phải trả giá trị thấp của thành viên thứ i trong 20 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh khoản vay vốn thanh toán bù trừ trở về trước.

C: Tổng số tiền trung bình phải trả giá trị thấp của các thành viên tham gia chia sẻ dư nợ cho vay thanh toán bù trừ quá hạn còn lại trong 20 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh khoản vay vốn thanh toán bù trừ trở về trước.

$C = \sum_{i=1}^{n} B_i$

n: Là tổng số thành viên phải chia sẻ.

i: Có giá trị từ 1 đến n.

3. Trình tự thực hiện chia sẻ dư nợ cho vay thanh toán bù trừ quá hạn còn lại trong quyết toán bù trừ.

a) Vào ngày làm việc liền kề tiếp theo ngày Sở Giao dịch có thông báo khoản tiền phân bổ cho từng thành viên tham gia quyết toán bù trừ, Sở Giao dịch thực hiện trích nợ tài khoản thanh toán của thành viên số tiền được phân bổ vào tài khoản của Sở Giao dịch;

b) Trong trường hợp tài khoản thành viên không đủ số tiền để trích nợ đúng hạn, Sở Giao dịch báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét tạm ngừng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp của thành viên đó cho đến ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày thành viên đó gửi đủ số tiền được phân bổ cho Sở Giao dịch. Đồng thời Sở Giao dịch theo dõi số dư tài khoản thanh toán của thành viên đó mở tại Sở Giao dịch và tiếp tục thực hiện trích nợ đủ số tiền phân bổ chưa thanh toán cộng thêm phần lãi với lãi suất bằng lãi suất áp dụng đối với dư nợ vay qua đêm quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc thấu chi và cho vay qua đêm trong TTLNH.

4. Hoàn trả phần chia sẻ dư nợ cho vay thanh toán bù trừ quá hạn còn lại.

a) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao dịch thông báo khoản tiền dư nợ cho vay thanh toán bù trừ quá hạn còn lại phân bổ cho từng thành viên, thành viên thiếu tiền trả dư nợ cho vay thanh toán bù trừ quá hạn còn lại phải thực hiện mọi biện pháp để hoàn trả vào tài khoản của Sở Giao dịch tổng số tiền phải chia sẻ của các thành viên (cộng thêm phần lãi với lãi suất bằng lãi suất áp dụng đối với dư nợ vay qua đêm quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc thấu chi và cho vay qua đêm trong TTLNH). Sau khoảng thời gian trên, nếu Sở Giao dịch không nhận đủ số dư nợ cho vay thanh toán bù trừ quá hạn còn lại, Sở Giao dịch thực hiện trích nợ tài khoản thanh toán mở tại Sở Giao dịch của thành viên đó số tiền còn thiếu vào tài khoản của Sở Giao dịch. Nếu sau khi trích nợ tài khoản thanh toán mà vẫn không đủ số tiền còn thiếu thì xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Khi nhận được số tiền hoàn trả khoản chia sẻ tại Điểm a Khoản này,

căn cứ số tiền hoàn trả, tỷ lệ phần trăm (%) giữa số tiền phải chia sẻ của mỗi thành viên và tổng số tiền chia sẻ, Sở Giao dịch tính toán số tiền phải trả (bao gồm cả gốc và lãi được xác định tại Điểm a Khoản này) và chuyển trả cho mỗi thành viên đã chia sẻ.

5. Trường hợp thành viên thiếu tiền trả dư nợ cho vay thanh toán bù trừ quá hạn còn lại bị phá sản, Ngân hàng Nhà nước được nhận thanh toán các khoản nợ theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp và chuyển trả các thành viên đã tham gia chia sẻ theo tỷ lệ phân bổ trong phạm vi khoản nợ thu hồi được.

Chương VI

XỬ LÝ SAI SÓT TRONG TTLNH

Điều 29. Các nguyên tắc điều chỉnh sai sót trong Hệ thống TTLNH

1. Bảo đảm sự nhất quán số liệu giữa đơn vị khởi tạo lệnh, đơn vị nhận lệnh và Trung tâm Xử lý Quốc gia. Sai sót phát sinh ở đâu phải được chỉnh sửa ở đó cho đến hết quy trình thanh toán. Nghiêm cấm việc sửa chữa số liệu, điều chỉnh sai sót một cách tuỳ tiện trong Hệ thống TTLNH.

2. Khi phát hiện sai sót phải có biện pháp điều chỉnh ngay, không gây chậm trễ tới công tác thanh toán. Việc điều chỉnh sai sót phải theo đúng các nguyên tắc, phương pháp điều chỉnh sai lầm của kế toán.

3. Đơn vị, cá nhân nào gây ra sai sót hoặc vi phạm các nguyên tắc, phương pháp điều chỉnh sai sót phải chịu trách nhiệm vật chất về những lỗi do mình gây ra cho các bên liên quan.

Điều 30. Hủy và hoàn trả Lệnh thanh toán tại các thành viên và đơn vị thành viên

1. Nguyên tắc

a) Lệnh thanh toán chỉ được hủy trong các trường hợp sau:

- Đã khởi tạo tại đơn vị khởi tạo lệnh nhưng chưa chuyển đi, thực hiện thao tác thoái Lệnh thanh toán;

- Đã chuyển đến Trung tâm xử lý quốc gia và đang trong hàng đợi quyết toán đối với Lệnh thanh toán giá trị cao, Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ; đang trong hàng đợi xử lý đối với Lệnh thanh toán giá trị thấp, thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 33 Thông tư này;

b) Lệnh thanh toán chỉ được hoàn trả trong các trường hợp sau:

- Lệnh thanh toán Nợ chỉ được hoàn trả khi đơn vị khởi tạo lệnh chưa ghi Có vào tài khoản của khách hàng hoặc đã ghi Có vào tài khoản của khách hàng

nhưng thu hồi lại được;

- Lệnh thanh toán Có chỉ được hoàn trả khi đơn vị nhận lệnh chưa ghi Có vào tài khoản của khách hàng hoặc đã ghi Có vào tài khoản của khách hàng nhưng thu hồi lại được.

2. Chứng từ hủy và hoàn trả Lệnh thanh toán:

a) Chứng từ hủy Lệnh thanh toán bao gồm:

- Lệnh hủy Lệnh thanh toán Nợ: có giá trị như một Lệnh thanh toán Có, do đơn vị khởi tạo lệnh lập và gửi đơn vị nhận lệnh để hủy Lệnh thanh toán Nợ bị sai sót (hoàn trả toàn bộ số tiền);

- Lệnh hủy Lệnh thanh toán Có: do đơn vị khởi tạo lệnh lập để hủy Lệnh thanh toán Có đã chuyển đi nhưng còn trong hàng đợi;

b) Chứng từ hoàn trả Lệnh thanh toán bao gồm:

- Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán: đơn vị khởi tạo lệnh lập và gửi cho đơn vị nhận lệnh đề nghị hoàn trả Lệnh thanh toán Có bị sai sót và ghi rõ lý do là lỗi của đơn vị khởi tạo lệnh hay do yêu cầu khách hàng; là căn cứ để đơn vị nhận lệnh lập Lệnh thanh toán Có đi trả tiền cho đơn vị khởi tạo lệnh trên cơ sở đã thu hồi lại được tiền;

- Thông báo chấp nhận yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán: đơn vị nhận lệnh lập để chấp nhận Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có trên cơ sở đã thu hồi lại được tiền;

- Thông báo từ chối yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán: đơn vị nhận lệnh lập để từ chối Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có do không thu hồi được tiền từ khách hàng.

3. Các đơn vị thành viên khi xử lý hủy và hoàn trả Lệnh thanh toán phải thực hiện khẩn trương như đối với việc xử lý các Lệnh thanh toán giá trị cao.

Điều 31. Xử lý sai sót tại đơn vị khởi tạo lệnh trong trường hợp phát sinh do thành viên, đơn vị thành viên

1. Xử lý sai sót ở thời điểm trước khi truyền Lệnh thanh toán đi

a) Nếu Lệnh thanh toán có sai sót được phát hiện khi người duyệt lệnh chưa ký chữ ký điện tử để chuyển đi thì người duyệt Lệnh thanh toán và người kiểm soát Lệnh thanh toán thực hiện thao tác thoái duyệt Lệnh thanh toán, người lập lệnh căn cứ chứng từ gốc sửa lại cho đúng;

b) Nếu Lệnh thanh toán có sai sót được phát hiện sau khi người duyệt lệnh đã ký chữ ký điện tử thì phải lập biên bản hủy Lệnh thanh toán sai, trong đó ghi rõ ký hiệu lệnh, giờ, ngày hủy Lệnh thanh toán và phải có đầy đủ chữ ký của

người duyệt lệnh, người kiểm soát và người lập lệnh có liên quan đến Lệnh thanh toán sai. Biên bản được lưu vào hồ sơ riêng để bảo quản, sau đó người duyệt lệnh thoái duyệt Lệnh thanh toán và chuyển cho người lập lệnh căn cứ chứng từ gốc sửa lại cho đúng.

2. Xử lý sai sót phát hiện sau khi đã truyền Lệnh thanh toán đi

Khi phát hiện các sai sót như sai số tiền (thừa hoặc thiếu), sai ngược về, đơn vị khởi tạo lệnh phải tra soát vấn tin ngay cho đơn vị nhận lệnh để có biện pháp xử lý kịp thời. Đơn vị khởi tạo lệnh phải lập biên bản theo quy định (Mẫu số TTLNH-23) xác định nguyên nhân, quy trách nhiệm cá nhân rõ ràng và thực hiện xử lý:

a) Trường hợp sai thiếu:

Căn cứ biên bản để lập Lệnh thanh toán bổ sung số tiền chuyển thiếu gửi tiếp đi đơn vị nhận lệnh. Trong nội dung thanh toán phải ghi rõ "chuyển bổ sung theo Lệnh thanh toán Nợ (hoặc Có) số ... ngày ... tháng ... năm ... Số tiền đã chuyển ... " và sau đó hạch toán theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Trường hợp sai thừa:

- Đối với Lệnh thanh toán Có bị sai thừa:

Căn cứ biên bản để lập Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có số tiền đã chuyển thừa, gửi ngay đơn vị nhận lệnh đồng thời lập Phiếu chuyển khoản, hạch toán và theo dõi theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường Lý do trong tin điện Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có phải ghi rõ sai sót là do đơn vị khởi tạo Lệnh thanh toán Có.

Trường hợp nhận được lệnh hoàn trả của đơn vị nhận lệnh, đơn vị khởi tạo thực hiện chuyển lại khoản tiền trên cho khách hàng, đồng thời vào sổ theo dõi ghi rõ kết quả giải quyết.

Trường hợp đơn vị nhận lệnh từ chối Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có đối với số tiền bị sai thừa trên do không thu hồi được tiền từ khách hàng thì đơn vị khởi tạo lệnh phải lập Hội đồng xử lý theo quy định hiện hành để xác định trách nhiệm và mức bồi hoàn của cá nhân gây ra sai sót;

- Đối với Lệnh thanh toán Nợ bị sai thừa:

Căn cứ biên bản, lập Lệnh hủy Lệnh thanh toán Nợ, gửi ngay cho đơn vị nhận lệnh để hủy số tiền đã chuyển thừa trên Lệnh thanh toán Nợ, đồng thời hạch toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp đã trả tiền cho khách hàng nhưng tài khoản của khách hàng không đủ số dư để thực hiện Lệnh hủy Lệnh thanh toán Nợ đối với số tiền chuyển thừa thì đơn vị khởi tạo lệnh hạch toán vào tài khoản các khoản phải thu

(tài khoản cá nhân gây ra sai sót) sau đó phải tìm mọi biện pháp để đòi lại tiền kể cả việc phối hợp với đơn vị nhận lệnh, chính quyền địa phương và các cơ quan bảo vệ pháp luật như công an, tòa án, nếu không đòi được thì đơn vị khởi tạo lệnh lập Hội đồng xử lý theo quy định hiện hành để xác định trách nhiệm và mức bồi hoàn của cá nhân gây ra sai sót. Khi nhận được thông báo số tiền do khách hàng chuyển về thì xử lý, đồng thời hạch toán theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Trường hợp sai ngược về:

Đơn vị khởi tạo lệnh phải lập biên bản, đồng thời lập Lệnh hủy Lệnh thanh toán Nợ (đối với Lệnh thanh toán Có bị sai ngược về) hoặc yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có (đối với Lệnh thanh toán Nợ bị sai ngược về) để hủy toàn bộ Lệnh thanh toán bị sai ngược về sau đó lập Lệnh thanh toán đúng gửi đơn vị nhận lệnh, đồng thời hạch toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp Lệnh thanh toán Nợ bị sai ngược về, khi nhận được Lệnh thanh toán Có của đơn vị nhận lệnh chuyển trả lại số tiền chuyển sai, đơn vị khởi tạo lệnh hạch toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 32. Xử lý sai sót tại đơn vị nhận lệnh trong trường hợp phát sinh do thành viên, đơn vị thành viên

1. Đối với trường hợp phát hiện Lệnh thanh toán sai sót do lỗi kỹ thuật hoặc bị giả mạo trước thời điểm hạch toán, đơn vị nhận lệnh không được phép hạch toán mà phải phối hợp với đơn vị khởi tạo lệnh và đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH để áp dụng các biện pháp xử lý.

2. Đối với Lệnh thanh toán bị sai thiếu:

Khi nhận được Lệnh thanh toán bổ sung chuyển khoản tiền thiếu của đơn vị khởi tạo lệnh, đơn vị nhận lệnh phải đối chiếu, kiểm soát lại chặt chẽ Lệnh thanh toán bị sai thiếu và Lệnh thanh toán bổ sung trước khi hạch toán.

3. Đối với Lệnh thanh toán bị sai thừa:

a) Phát hiện trước khi trả tiền cho khách hàng:

Nếu đơn vị nhận lệnh chưa nhận được Lệnh thanh toán bị sai thừa nhưng đã nhận được yêu cầu hoàn trả của đơn vị khởi tạo lệnh về chuyển tiền thừa thì đơn vị nhận lệnh phải ghi sổ theo dõi Lệnh thanh toán bị sai sót để có biện pháp xử lý kịp thời. Khi nhận được Lệnh thanh toán bị sai thừa, đơn vị nhận lệnh kiểm soát, đối chiếu với nội dung yêu cầu hoàn trả nhận được, nếu đúng thì hạch toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với Lệnh thanh toán Có bị sai thừa: khi nhận được Yêu cầu hoàn trả đối với số tiền thừa thì lập Lệnh thanh toán Có đi hoàn trả đơn vị khởi tạo lệnh

số tiền thừa;

- Đối với Lệnh thanh toán Nợ bị sai thừa: theo dõi và xử lý Lệnh hủy Lệnh thanh toán Nợ đối với số tiền thừa của đơn vị khởi tạo lệnh;

b) Trường hợp nhận được yêu cầu hoàn trả của đơn vị khởi tạo lệnh sau khi đã trả tiền cho khách hàng thì đơn vị nhận lệnh ghi Sổ theo dõi Lệnh thanh toán bị sai sót và xử lý:

- Đối với Lệnh thanh toán Có bị sai thừa:

Khi nhận được Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có đối với số tiền chuyển thừa của đơn vị khởi tạo lệnh, nếu Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có là hợp lệ thì đơn vị nhận lệnh xử lý:

+ Trường hợp tài khoản thanh toán của khách hàng có đủ số dư: Căn cứ vào Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có, đơn vị nhận lệnh chủ động phong tỏa/thu hồi số tiền bị sai thừa để lập Lệnh thanh toán Có đi mà không cần thông báo trước hoặc không cần sự đồng ý trước của chủ tài khoản. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có, đơn vị nhận lệnh phải thực hiện chuyển trả lại đơn vị khởi tạo lệnh số tiền chuyển thừa;

+ Trường hợp tài khoản thanh toán của khách hàng không đủ số dư để thu hồi thì đơn vị nhận lệnh ghi nhập Sổ theo dõi Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có chưa được thực hiện, thực hiện phong tỏa và yêu cầu khách hàng nộp tiền vào tài khoản để thực hiện Yêu cầu hoàn trả này. Khi khách hàng nộp đủ tiền hoặc tài khoản của khách hàng có đủ số dư để hoàn trả, kế toán ghi xuất Sổ theo dõi Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có chưa thực hiện được, lập Lệnh thanh toán Có gửi đơn vị khởi tạo lệnh;

+ Trường hợp khách hàng không còn khả năng thanh toán hoặc khách hàng vãng lai không xác định được nơi cư trú, thì đơn vị nhận lệnh phải là đơn vị đầu mối phối hợp với đơn vị khởi tạo lệnh, chính quyền địa phương và các cơ quan bảo vệ pháp luật như công an, tòa án, v.v... để tìm mọi biện pháp thu hồi lại tiền. Sau khi đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi mà không thu hồi được hoặc không thu hồi đủ thì đơn vị nhận lệnh được từ chối Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có; lập Thông báo từ chối Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có, ghi rõ lý do từ chối; gửi trả lại đơn vị khởi tạo lệnh (số tiền thu hồi được nếu có); đồng thời ghi xuất sổ theo dõi Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có chưa được thực hiện.

4. Điều chỉnh các sai sót khác

Đối với Lệnh thanh toán sai ký hiệu chứng từ, ký hiệu loại nghiệp vụ, loại đồng tiền, đơn vị phục vụ Người nhận lệnh không phải là đơn vị nhận lệnh và không phải là thành viên gián tiếp thuộc đơn vị nhận lệnh, xử lý như sau:

a) Đối với các Lệnh thanh toán Có (hoặc Nợ) đơn vị nhận lệnh đã nhận nhưng chưa hạch toán thì thực hiện hạch toán vào tài khoản phải trả (phải thu) sau đó lập Lệnh thanh toán chuyển trả lại đơn vị khởi tạo lệnh. Nghiêm cấm đơn vị nhận lệnh chuyển tiền tiếp;

b) Đối với các Lệnh thanh toán đã thực hiện, đơn vị nhận lệnh xử lý tương tự như đã nêu tại Điểm b Khoản 3 Điều này.

Điều 33. Hủy và hoàn trả Lệnh thanh toán theo yêu cầu của khách hàng

1. Xử lý tại đơn vị khởi tạo lệnh:

Khi tiếp nhận yêu cầu hủy Lệnh thanh toán Có hoặc yêu cầu hủy Lệnh thanh toán Nợ của khách hàng, đơn vị khởi tạo lệnh phải kiểm tra tính hợp lệ của các chứng từ này, đối chiếu với Lệnh thanh toán bị hủy. Nếu không hợp lệ thì trả lại cho khách hàng và thông báo đầy đủ lý do, nếu hợp lệ thì xử lý như sau:

a) Đối với Lệnh thanh toán chưa được thực hiện hoặc chưa gửi đi: xử lý hủy Lệnh thanh toán theo quy định tại Điều 30 Thông tư này, đơn vị khởi tạo lệnh gửi cho khách hàng thông báo chấp nhận hủy Lệnh thanh toán và không thực hiện Lệnh thanh toán đó;

b) Đối với Lệnh thanh toán giá trị cao, Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ, Lệnh thanh toán Nợ đã được thực hiện và gửi đi nhưng đang trong hàng đợi quyết toán (do tài khoản thanh toán loại tiền tương ứng chưa đủ tiền) hoặc Lệnh thanh toán giá trị thấp đã được thực hiện và gửi đi nhưng đang trong hàng đợi xử lý tại Trung tâm Xử lý Quốc gia, xử lý hủy Lệnh thanh toán như sau:

- Đối với yêu cầu hủy Lệnh thanh toán Có:

+ Căn cứ vào yêu cầu hủy hợp lệ của khách hàng, người lập lệnh bổ sung các yếu tố cần thiết và lập Lệnh hủy theo quy định (Mẫu số TTLNH-05), ký chữ ký điện tử của mình lên Lệnh hủy;

+ Người duyệt lệnh phải kiểm soát lại các yếu tố của Lệnh hủy vừa lập với yêu cầu hủy của khách hàng để bảo đảm sự chính xác và khớp đúng. Nếu đúng, người duyệt lệnh ký chữ ký điện tử của mình lên Lệnh hủy và gửi đi.

Trung tâm Xử lý Quốc gia gửi đơn vị khởi tạo lệnh thông báo kết quả thực hiện yêu cầu hủy. Đơn vị khởi tạo lệnh kiểm tra thông tin trên thông báo, nếu kết quả hủy thành công thực hiện hạch toán theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu kết quả hủy không thành công (do Lệnh thanh toán không còn trong hàng đợi nữa), đơn vị khởi tạo lệnh thực hiện xử lý theo thủ tục yêu cầu hoàn trả như hướng dẫn tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

- Đối với Lệnh hủy Lệnh thanh toán Nợ: thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 30 Thông tư này;

c) Nếu Lệnh thanh toán đã được xử lý và gửi đi, Trung tâm Xử lý Quốc gia đã hạch toán, đơn vị khởi tạo lệnh lập Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán và thực hiện:

- Đối với Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có:

+ Căn cứ vào yêu cầu hủy hợp lệ của khách hàng, người lập lệnh bổ sung các yếu tố cần thiết của Yêu cầu hoàn trả theo quy định (Mẫu số TTLNH-06) và ký chữ ký điện tử của mình lên Yêu cầu hoàn trả. Nội dung lý do trong tin điện Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có phải ghi rõ sai sót là do khách hàng;

+ Người duyệt lệnh phải kiểm soát lại các yếu tố của Yêu cầu hoàn trả vừa lập với yêu cầu hủy của khách hàng để bảo đảm sự chính xác và khớp đúng. Nếu đúng, người duyệt lệnh ký chữ ký điện tử của mình lên Yêu cầu hoàn trả và gửi đơn vị nhận lệnh;

+ Khi nhận đủ số tiền (của Lệnh thanh toán Có bị hủy) do đơn vị nhận lệnh hoàn trả, đơn vị khởi tạo lệnh thực hiện các thủ tục hoàn trả tiền cho khách hàng;

- Đối với Lệnh hủy Lệnh thanh toán Nợ:

Căn cứ Lệnh hủy thành công, đơn vị khởi tạo lệnh thực hiện thủ tục trích tài khoản của khách hàng số tiền đã ghi Có trước đây để chuyển cho đơn vị nhận lệnh.

2. Xử lý tại đơn vị nhận lệnh:

Khi nhận được Yêu cầu hoàn trả (đối với Lệnh thanh toán Có), hoặc Lệnh hủy (đối với Lệnh thanh toán Nợ) của đơn vị khởi tạo lệnh, đơn vị nhận lệnh phải kiểm tra tính hợp lệ của Yêu cầu hoàn trả (hoặc Lệnh hủy) và đối chiếu Yêu cầu hoàn trả (hoặc Lệnh hủy) với Lệnh thanh toán đã nhận được và xử lý theo thủ tục hoàn trả.

a) Nếu phát hiện Yêu cầu hoàn trả có sai sót, đơn vị nhận lệnh lập Thông báo từ chối yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có theo quy định (Mẫu số TTLNH-07) ghi rõ lý do từ chối gửi trả lại đơn vị khởi tạo lệnh; nếu Lệnh hủy có sai sót, đơn vị nhận lệnh xử lý như đối với Lệnh thanh toán Có đến bị sai sót;

b) Nếu Yêu cầu hoàn trả (hoặc Lệnh hủy) hợp lệ thì xử lý như sau:

- Nếu Lệnh thanh toán Có đến chưa được thực hiện tại đơn vị nhận lệnh: đơn vị nhận lệnh gửi ngay cho đơn vị khởi tạo lệnh Thông báo chấp nhận Yêu cầu hoàn trả và lập Lệnh thanh toán Có hoàn trả cho đơn vị khởi tạo lệnh;

- Nếu Lệnh thanh toán đến đã được thực hiện tại đơn vị nhận lệnh:

+ Đối với Yêu cầu hoàn trả Lệnh thanh toán Có đến:

Đơn vị nhận lệnh phải gửi ngay Yêu cầu hoàn trả cho khách hàng để thông báo. Chỉ trong trường hợp khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc nộp tiền mặt hoặc lập chứng từ thanh toán trích tài khoản của mình để chuyển trả thì đơn vị nhận lệnh mới được phép thông báo chấp nhận Yêu cầu hoàn trả cho đơn vị khởi tạo lệnh biết. Sau đó, đơn vị nhận lệnh thực hiện lập Lệnh thanh toán Có để hoàn trả cho đơn vị khởi tạo lệnh.

Đối với Yêu cầu hoàn trả không được sự chấp thuận chuyển trả của khách hàng theo quy định trên thì đơn vị nhận lệnh lập Thông báo từ chối Yêu cầu hoàn trả có ghi rõ lý do gửi lại đơn vị khởi tạo lệnh;

+ Đối với Lệnh hủy Lệnh thanh toán Nợ đến: Căn cứ vào Lệnh hủy Lệnh thanh toán Nợ đến, đơn vị nhận lệnh gửi Thông báo chấp nhận Lệnh hủy cho khách hàng biết.

Điều 34. Tra soát và trả lời tra soát

Trường hợp phát hiện một số yếu tố chưa chính xác trên Lệnh thanh toán (trừ các yếu tố: Mã ngân hàng, tính chất Nợ Có, ngày thực hiện, số tiền, loại đồng tiền, loại thanh toán, ký hiệu chứng từ, ký hiệu loại nghiệp vụ, đơn vị phục vụ Người nhận lệnh không phải là đơn vị nhận lệnh và không phải là thành viên gián tiếp thuộc đơn vị nhận lệnh), xử lý như sau:

1. Đơn vị khởi tạo lệnh phải lập tra soát theo quy định (Mẫu số TTLNH-08) để đính chính thông tin hoặc đơn vị nhận lệnh lập tra soát để yêu cầu đơn vị khởi tạo lệnh đính chính thông tin.

2. Trình tự xử lý tin điện tra soát gồm:

a) Lập tin điện

- Người lập lệnh nhập dữ liệu;

- Người duyệt lệnh tiến hành kiểm soát và ký chữ ký điện tử;

- Gửi tin điện lên Trung tâm Xử lý Quốc gia; in nội dung tin điện và cả hai người cùng ký trên bức điện in ra;

b) Nhận tin điện

- Người duyệt lệnh kiểm tra chữ ký điện tử;

- Người lập lệnh và người duyệt lệnh cùng ký trên bức điện in ra.

3. Trường hợp không có quy định khác của pháp luật thì khi đơn vị khởi tạo lệnh nhận được yêu cầu tra soát của đơn vị nhận lệnh, trong vòng 01 ngày

làm việc kể từ thời điểm nhận được yêu cầu tra soát, đơn vị khởi tạo lệnh phải có trách nhiệm trả lời yêu cầu tra soát (lập theo quy định Mẫu số TTLNH-09). Sau 04 ngày làm việc kể từ ngày gửi yêu cầu tra soát nếu đơn vị nhận lệnh không nhận được trả lời tra soát thì thực hiện hoàn trả lại Lệnh thanh toán Có thông tin yêu cầu tra soát.

4. Lưu trữ chứng từ tra soát và trả lời tra soát.

Chứng từ tra soát và trả lời tra soát với đầy đủ chữ ký được lưu kèm với Lệnh thanh toán gốc và là căn cứ để thanh toán với khách hàng.

Điều 35. Xử lý lỗi kỹ thuật trong Hệ thống TTLNH

1. Lỗi thông thường

a) Trong các trường hợp phát sinh lỗi về phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu, chữ ký điện tử, đường truyền thông, giao dịch không thực hiện được do lỗi thiết bị đầu cuối, thực hiện thông báo tình trạng lỗi như sau:

- Lỗi xảy ra tại các thành viên và đơn vị thành viên: trong khoảng thời gian 30 phút không khắc phục được sự cố, thông báo và gửi biên bản sự cố kỹ thuật trong Hệ thống TTLNH theo quy định (Mẫu số TTLNH-22) cho đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH;

- Lỗi xảy ra tại Trung tâm Xử lý Quốc gia: trong khoảng thời gian 02 giờ không khắc phục được sự cố, thông báo toàn hệ thống;

- Lỗi xảy ra tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố: trong khoảng thời 30 phút không khắc phục được sự cố, thông báo đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH;

b) Phương thức truyền thông báo: xử lý qua mạng máy tính, hệ thống thư điện tử, qua Fax hoặc điện thoại;

c) Các thành viên, đơn vị thành viên phải có trách nhiệm báo cáo và khẩn trương xử lý các lỗi xảy ra trong phạm vi quản lý của mình; đồng thời phối hợp xử lý các lỗi phát sinh khác của Hệ thống TTLNH khi được yêu cầu;

d) Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH hướng dẫn và thực hiện xử lý sự cố theo quy trình khắc phục sự cố kỹ thuật của Hệ thống TTLNH.

2. Xử lý trường hợp do sự cố kỹ thuật hoặc truyền tin, không gửi, nhận được Lệnh thanh toán.

a) Đối với Lệnh thanh toán đi:

- Khi Lệnh thanh toán đã chuyển đi nhưng nhận được trạng thái chờ trả lời từ trung tâm xử lý do các sự cố kỹ thuật, các thành viên, đơn vị thành viên phải thực hiện như sau:

+ Vấn tin hoặc phối hợp với đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH để cập nhật chính xác tình trạng hiện thời của Lệnh thanh toán tại Hệ thống TTLNH;

+ Đối với những Lệnh thanh toán sau khi vấn tin có tình trạng chưa thành công, xử lý như sau:

Gửi lại đối với Lệnh thanh toán có tình trạng chưa thành công để hoàn tất việc chuyển tiền.

Sau khi gửi lại, nếu Lệnh thanh toán vẫn không thể kết thúc, thành viên, đơn vị thành viên lập Lệnh hủy (trong hàng đợi) Lệnh thanh toán. Căn cứ trên kết quả hủy thành công của Hệ thống TTLNH gửi về, người lập lệnh và người duyệt lệnh ký xác nhận và lưu trữ kết quả này trên giấy. Sau khi đã hủy thành công và thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, thành viên, đơn vị thành viên có thể lập lại Lệnh thanh toán khác với bút toán mới để thay thế Lệnh thanh toán đã hủy trước đó hoặc trả lại tiền cho khách hàng.

Trường hợp Lệnh thanh toán được gửi lại vẫn không thành công và cũng không thể hủy được, thành viên, đơn vị thành viên lập biên bản ghi nhận sự cố. Căn cứ kết quả đối chiếu lệnh chuyển đi cuối ngày và kết quả phối hợp xử lý giữa thành viên, đơn vị thành viên và Trung tâm Xử lý Quốc gia, thành viên, đơn vị thành viên có thể giữ nguyên các bút toán đã hạch toán, hoặc trả lại tiền, hoặc lập lại Lệnh thanh toán mới cho khách hàng;

- Do sự cố kỹ thuật, bảng đối chiếu đi cuối ngày có thể không cân, thành viên, đơn vị thành viên phải vấn tin lên Trung tâm Xử lý Quốc gia để cập nhật tình trạng của các lệnh chênh lệch, sau đó lập biên bản xác nhận tình trạng hiện tại. Kết quả cuối cùng của bảng đối chiếu đi được căn cứ trên tình trạng mới nhất của các Lệnh thanh toán và kết quả phối hợp xử lý giữa thành viên, đơn vị thành viên với Trung tâm Xử lý Quốc gia;

b) Đối với Lệnh thanh toán đến:

Trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật do không giải mã hoặc không nhận được tệp dữ liệu Lệnh thanh toán đến, các thành viên, đơn vị thành viên yêu cầu đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH thay đổi trạng thái tệp dữ liệu và tiến hành tiếp tục nhận, giải mã, kiểm tra lại;

c) Trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật đối với Lệnh thanh toán đi hoặc Lệnh thanh toán đến, thành viên, đơn vị thành viên phải kiểm soát, đối chiếu cẩn thận để tránh gửi nhiều lần (đối với Lệnh thanh toán đi) hoặc hạch toán thừa (đối với Lệnh thanh toán đến);

d) Sự cố không thể kết nối với Hệ thống TTLNH hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố:

Trường hợp sự cố về máy tính, đường truyền số liệu..., thành viên, đơn vị thành viên không thể kết nối với Hệ thống TTLNH để nhận xác nhận, kết quả đối chiếu và các thông tin khác, thành viên, đơn vị thành viên phải thông báo cho đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH thông qua các phương tiện khác (thư điện tử, Fax, điện thoại, ...) về sự cố xảy ra. Đối với những Lệnh thanh toán chưa hoàn thành, thành viên, đơn vị thành viên chỉ thực hiện thanh toán tiền cho khách hàng khi sự cố trên được khắc phục và có sự xác nhận về tình trạng cuối cùng của Lệnh thanh toán.

3. Trong vòng 02 giờ kể từ khi Trung tâm Xử lý Quốc gia có sự cố không thể vận hành bình thường, Cục Công nghệ tin học xem xét, quyết định chuyển hoạt động sang Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng. Việc chuyển hoạt động về Trung tâm Xử lý Quốc gia được thực hiện sau khi sự cố được khắc phục.

4. Lỗi bất khả kháng

Lỗi bất khả kháng là lỗi phát sinh bởi các sự kiện nằm ngoài phạm vi kiểm soát của người quản lý, điều hành Hệ thống TTLNH, không thể dự kiến trước được và làm ngừng hoạt động Hệ thống TTLNH quá 02 giờ. Sau khi đã xử lý bằng các biện pháp kỹ thuật nhưng không khắc phục được thì xử lý như sau:

a) Cục Công nghệ tin học báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tình trạng lỗi bất khả kháng;

b) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định giải pháp xử lý;

c) Thông báo cho các thành viên Hệ thống TTLNH qua một trong các kênh sau: mạng máy tính, thư điện tử, Fax hoặc điện thoại.

Chương VII

BÁO CÁO VÀ XỬ LÝ BÁO CÁO

Điều 36. Báo cáo ngày tại Sở Giao dịch

1. Lập báo cáo chuyển tiền trong ngày của Hệ thống TTLNH

Sau thời điểm hoàn thành đối chiếu chuyển tiền trong ngày, Sở Giao dịch lập (tạo) Báo cáo thanh toán trong ngày của toàn Hệ thống TTLNH dưới dạng chứng từ điện tử, bao gồm các loại sau:

a) Tổng hợp giao dịch đơn vị thành viên (Mẫu số TTLNH-10);

b) Tổng hợp giao dịch thành viên (Mẫu số TTLNH-11);

c) Bảng cân đối chuyển tiền (Mẫu số TTLNH-12);

d) Bảng kết quả hạch toán (Mẫu số TTLNH-13);

đ) Bảng tổng hợp kết quả thực hóa (Mẫu số TTLNH-14);

e) Bảng tổng hợp kết quả hạch toán (Mẫu số TTLNH-15);

g) Bảng tổng hợp TTLNH giá trị cao (Mẫu số TTLNH-24).

2. Xử lý báo cáo

a) Người kiểm soát thanh toán của Sở Giao dịch phải kiểm soát lại Báo cáo chuyển tiền trong ngày (bao gồm cả chứng từ điện tử và chứng từ giấy) và kiểm tra các cân đối theo quy định để bảo đảm sự chính xác và khớp đúng của khâu lập báo cáo và số liệu thể hiện trên các mẫu biểu;

b) Báo cáo trong ngày của toàn Hệ thống TTLNH được lưu trữ sau khi đã được kiểm soát và đối chiếu khớp đúng hoàn toàn theo quy định, người kiểm soát thanh toán ký chữ ký tay vào báo cáo. Việc xử lý lưu trữ Báo cáo chuyển tiền trong ngày của toàn Hệ thống TTLNH như sau:

- Chứng từ giấy: các mẫu biểu báo cáo (có đầy đủ chữ ký và dấu) được lưu trữ theo quy định đối với chứng từ giấy;

- Chứng từ điện tử: báo cáo chuyển tiền trong ngày của toàn Hệ thống TTLNH được lưu trữ theo quy định đối với chứng từ điện tử.

Điều 37. Lập và xử lý báo cáo tại thành viên, đơn vị thành viên tham gia Hệ thống TTLNH

1. Đối với các đơn vị thành viên

a) Báo cáo chuyển tiền đi (Mẫu số TTLNH-16);

b) Báo cáo chuyển tiền đến (Mẫu số TTLNH-17);

c) Đối chiếu chuyển tiền đi (Mẫu số TTLNH-18);

d) Đối chiếu chuyển tiền đến (Mẫu số TTLNH-19);

đ) Bảng kết quả thanh toán của đơn vị thành viên (Mẫu số TTLNH-20).

2. Xử lý báo cáo

a) Kiểm soát:

- Doanh số Nợ (Có) trên các Mẫu số TTLNH-16 phải bằng doanh số Nợ (Có) trên Mẫu số TTLNH-18;

- Doanh số Nợ (Có) trên các Mẫu số TTLNH-17 phải bằng doanh số Nợ (Có) trên Mẫu số TTLNH-19;

- Chênh lệch kết quả đối chiếu trên Mẫu số TTLNH-18 và Mẫu số TTLNH-19 phải bằng 0;

b) Xử lý báo cáo sai sót:

Nếu có sai sót, đơn vị thành viên phải liên hệ với đơn vị vận hành Hệ

thống TTLNH để cùng phối hợp xử lý.

3. Lập báo cáo tại thành viên:

a) Báo cáo chuyển tiền đi (Mẫu số TTLNH-16);

b) Báo cáo chuyển tiền đến (Mẫu số TTLNH-17);

c) Đối chiếu chuyển tiền đi (Mẫu số TTLNH-18);

d) Đối chiếu chuyển tiền đến (Mẫu số TTLNH-19);

đ) Bảng kết quả thanh toán của đơn vị thành viên (Mẫu số TTLNH-20);

e) Bảng kết quả thanh toán của thành viên (Mẫu số TTLNH-21).

4. Báo cáo chuyển tiền điện tử trong ngày của cả thành viên và đơn vị thành viên sau khi sử dụng để đối chiếu và tổng hợp báo cáo phải được lưu trữ theo đúng quy định hiện hành.

Điều 38. Báo cáo tháng

Đối với các mẫu biểu báo cáo khác ngoài các mẫu biểu quy định tại Điều 36, Điều 37 Thông tư này, các đơn vị thực hiện báo cáo theo quy định về chế độ thông tin báo cáo hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

Chương VIII

THAM GIA, SỬ DỤNG DỊCH VỤ VÀ RÚT KHỎI HỆ THỐNG TTLNH

Điều 39. Tham gia Hệ thống TTLNH

1. Tham gia Hệ thống TTLNH.

a) Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước Trung ương khi có nhu cầu tham gia Hệ thống TTLNH thực hiện gửi văn bản đăng ký tham gia theo Mẫu số TTLNH-01 đến Ngân hàng Nhà nước (đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH) qua mạng máy tính;

b) Khi có nhu cầu đăng ký cho đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp tham gia Hệ thống TTLNH, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước Trung ương thực hiện gửi văn bản đăng ký tham gia theo Mẫu số TTLNH-03 đến Ngân hàng Nhà nước (đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH) qua mạng máy tính.

2. Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước khi có sự thay đổi về thành viên, đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp tham gia Hệ thống TTLNH.

Điều 40. Yêu cầu về sử dụng dịch vụ Hệ thống TTLNH

1. Để sử dụng dịch vụ trên Hệ thống TTLNH, thành viên phải đảm bảo

các yêu cầu sau:

a) Phải có tài khoản thanh toán bằng Đồng Việt Nam mở tại Sở Giao dịch trong trường hợp tham gia sử dụng dịch vụ Hệ thống TTLNH;

b) Trường hợp tham gia thanh toán bằng ngoại tệ, phải có tài khoản thanh toán ngoại tệ tương ứng mở tại Sở Giao dịch;

c) Yêu cầu về nguồn nhân lực:

- Có tối thiểu 02 cán bộ vận hành được Ngân hàng Nhà nước cấp chứng chỉ hoặc giấy xác nhận đã tham gia đào tạo về quy trình xử lý nghiệp vụ và quy trình vận hành Hệ thống TTLNH;

- Đối với cán bộ được giao trách nhiệm hoặc uỷ quyền thực hiện truyền, nhận dữ liệu thanh toán, ký duyệt Lệnh thanh toán phải có chữ ký điện tử do Ngân hàng Nhà nước cấp theo quy định tại Thông tư về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước;

d) Yêu cầu về kỹ thuật:

- Có hệ thống chính và hệ thống dự phòng đối với phần mềm, cơ sở dữ liệu;

- Có tối thiểu 01 đường truyền chính và 01 đường truyền dự phòng thuộc 02 nhà cung cấp dịch vụ khác nhau kết nối đến Hệ thống TTLNH;

- Có tối thiểu 02 chữ ký điện tử được kích hoạt thành công (01 chữ ký truyền thông và 01 chữ ký ký duyệt).

2. Đối với đơn vị thành viên thuộc Ngân hàng Nhà nước phải tuân thủ các quy định tại Điểm c, d Khoản 1 Điều này.

3. Để sử dụng dịch vụ trên Hệ thống TTLNH, đơn vị thành viên Hệ thống TTLNH phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Các điều kiện quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

b) Yêu cầu về kỹ thuật:

- Có hệ thống chính và hệ thống dự phòng đối với phần mềm, cơ sở dữ liệu;

- Có tối thiểu 01 đường truyền kết nối đến Hệ thống TTLNH;

- Có tối thiểu 02 chữ ký điện tử được kích hoạt thành công (01 chữ ký truyền thông và 01 chữ ký ký duyệt);

c) Đã được thành viên đăng ký sử dụng dịch vụ theo Mẫu số TTLNH-03.

4. Trước khi sử dụng dịch vụ Hệ thống TTLNH, đơn vị thành viên thuộc

Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước Trung ương gửi đến đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH qua mạng máy tính:

- Văn bản (trừ các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) về việc cầm cố, ký quỹ giấy tờ có giá hoặc ký quỹ bằng tiền để thiết lập hạn mức nợ ròng trong TTLNH có xác nhận của Sở Giao dịch trong trường hợp đăng ký sử dụng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp;

- Hợp đồng uỷ quyền hoặc văn bản thỏa thuận trước đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư này về việc thanh toán Nợ giữa các thành viên trong trường hợp đăng ký sử dụng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán Nợ;

- Văn bản đăng ký bổ sung sử dụng dịch vụ Hệ thống TTLNH cho thành viên, đơn vị thành viên theo Mẫu số TTLNH-26 trong trường hợp bổ sung sử dụng dịch vụ Hệ thống TTLNH .

Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước khi có sự thay đổi về thông tin sử dụng dịch vụ Hệ thống TTLNH của các thành viên, đơn vị thành viên.

Điều 41. Ngừng, tạm ngừng sử dụng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán trên Hệ thống TTLNH

1. Khi có nhu cầu ngừng một hoặc một số dịch vụ gửi Lệnh thanh toán, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước Trung ương gửi văn bản đăng ký ngừng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán theo Mẫu số TTLNH-27 đến đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH qua mạng máy tính.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định tạm ngừng một số dịch vụ thanh toán trên Hệ thống TTLNH của thành viên, đơn vị thành viên trong trường hợp thành viên không đảm bảo, duy trì các yêu cầu về nguồn lực và kỹ thuật quy định tại Điểm c, d Khoản 1 Điều 40 Thông tư này; đơn vị thành viên không đảm bảo, duy trì các yêu cầu về nguồn lực và kỹ thuật quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Điều 40 Thông tư này cho đến khi thành viên đảm bảo các yêu cầu định tại Điểm c, d Khoản 1 Điều 40 Thông tư này và đơn vị thành viên đảm bảo các yêu cầu về quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Điều 40 Thông tư này.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định tạm ngừng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán trên Hệ thống TTLNH của thành viên, đơn vị thành viên trong trường hợp thành viên, đơn vị thành viên để xảy ra sự cố kỹ thuật làm gián đoạn Hệ thống TTLNH tại đơn vị, cụ thể:

a) Gián đoạn quá 04 lần trong 01 tháng thì bị tạm ngừng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày vi phạm;

b) Gián đoạn quá 11 lần trong 01 quý thì bị tạm ngừng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày vi phạm;

c) Gián đoạn quá 19 lần trong 01 năm thì bị tạm ngừng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán trong vòng 01 tháng kể từ ngày vi phạm.

4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định tạm ngừng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp của thành viên, đơn vị thành viên trong các trường hợp sau:

a) Kho bạc Nhà nước không đủ số dư quyết toán kết quả bù trừ theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 27 Thông tư này thì đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định tạm ngừng sử dụng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp của Kho bạc Nhà nước cho đến khi trả đủ số tiền quyết toán bù trừ còn thiếu;

b) Thành viên không đủ số dư quyết toán kết quả bù trừ vào thời điểm Sở Giao dịch lập báo cáo thành viên thiếu vốn từ 02 lần trở lên trong 01 tháng, đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định tạm ngừng 01 tháng sử dụng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp của thành viên;

c) Theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 28 Thông tư này;

d) Thành viên để xảy ra thiếu tiền trả dư nợ cho vay thanh toán bù trừ quá hạn dẫn đến các thành viên khác phải chia sẻ, Sở Giao dịch báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét tạm ngừng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp của thành viên đó. Thời gian tạm dừng dịch vụ là 6 tháng kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tất cả các thành viên, đơn vị thành viên.

5. Trong trường hợp thành viên, đơn vị thành viên bị đưa vào diện kiểm soát đặc biệt, để đảm bảo an toàn cho hoạt động của Hệ thống TTLNH, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định tạm ngừng một số dịch vụ thanh toán trên Hệ thống TTLNH của thành viên, đơn vị thành viên đó.

6. Khi có sự thay đổi về thông tin ngừng, tạm ngừng sử dụng dịch vụ Hệ thống TTLNH của các thành viên, đơn vị thành viên, đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 42. Chấm dứt tư cách thành viên, đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp Hệ thống TTLNH

Thành viên, đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp chấm dứt tư cách thành viên, đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp khi:

1. Thành viên hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ thanh toán

(nếu có) phát sinh trong việc tham gia Hệ thống TTLNH, các khoản phí thường niên và phí thanh toán (nếu có) và có văn bản rút khỏi hệ thống (Mẫu số TTLNH-02) gửi đến Ngân hàng Nhà nước (đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH) qua mạng máy tính.

2. Thành viên bị tự động chấm dứt tư cách thành viên khi thành viên bị giải thể, phá sản, bị sáp nhập, bị hợp nhất.

3. Khi tài khoản thanh toán bằng Đồng Việt Nam tại Sở Giao dịch của thành viên bị đóng.

4. Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước khi có sự chấm dứt tư cách thành viên, đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp Hệ thống TTLNH.

Chương IX

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 43. Quyền và trách nhiệm của các thành viên, đơn vị thành viên

1. Các thành viên và đơn vị thành viên có quyền:

a) Sử dụng các dịch vụ thanh toán được phép thực hiện do Hệ thống TTLNH cung cấp;

b) Yêu cầu Trung tâm Xử lý Quốc gia xác nhận đã nhận được Lệnh thanh toán do mình gửi và cung cấp các thông tin liên quan đến việc thực hiện Lệnh thanh toán đó;

c) Yêu cầu Trung tâm Xử lý Quốc gia hủy Lệnh thanh toán theo quy định tại Thông tư này;

d) Đơn vị thành viên được thừa hưởng quyền thực hiện các dịch vụ thanh toán giá trị cao của thành viên mà đơn vị này trực thuộc.

2. Các thành viên và đơn vị thành viên có trách nhiệm:

a) Thành viên quản lý các hoạt động thanh quyết toán, hạn mức nợ ròng của Hệ thống TTLNH thuộc phạm vi mình quản lý;

b) Thành viên nhận và xử lý các dữ liệu điện tử từ Trung tâm Xử lý Quốc gia vào thời điểm kết thúc ngày làm việc. Nội dung dữ liệu bao gồm:

- Số hạch toán phải thu (phải trả) vào tài khoản thanh toán của thành viên;

- Số hạch toán phải thu (phải trả) của từng đơn vị thành viên, thông qua dữ liệu này thành viên hạch toán và quyết toán các khoản thu (chi) hộ cho các đơn vị thành viên;

- Chi tiết từng Lệnh thanh toán đi và đến của tất cả các đơn vị thành viên

trong Hệ thống TTLNH;

c) Thành viên có trách nhiệm thông báo, chỉ đạo đơn vị thành viên thuộc phạm vi mình quản lý tuân thủ các văn bản, chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến TTLNH;

d) Tuân thủ các quy định về việc lập và gửi Lệnh thanh toán qua Hệ thống TTLNH và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các nội dung liên quan đến Lệnh thanh toán đó;

đ) Phối hợp với đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH, các thành viên và đơn vị thành viên khác để xử lý các lỗi phát sinh trong quá trình vận hành Hệ thống TTLNH và chuyển sang hệ thống dự phòng;

e) Trường hợp đơn vị khởi tạo lệnh vi phạm quy định về việc lập, gửi Lệnh thanh toán hoặc số liệu, nội dung trên Lệnh thanh toán sai dẫn đến thanh toán chậm trễ, mất tiền và gây tổn thất vật chất khác thì đơn vị đó phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do lỗi của mình gây ra;

g) Thực hiện các quy định về phí và quản lý phí trong TTLNH được quy định tại Điều 7 Thông tư này;

h) Không được tiết lộ hoặc cung cấp các thông tin thu được qua Hệ thống TTLNH cho các đối tượng không có trách nhiệm liên quan trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

i) Thành viên phải chia sẻ dư nợ cho vay thanh toán bù trừ quá hạn của các thành viên khác;

k) Thành viên phải duy trì số dư tài khoản thanh toán bảo đảm thực hiện các Lệnh thanh toán và quyết toán bù trừ qua Hệ thống TTLNH;

l) Trường hợp thành viên, đơn vị thành viên chấm dứt tư cách thành viên, đơn vị thành viên, phải thực hiện thủ tục đề nghị thu hồi chứng thư số (nếu có) sử dụng trong TTLNH theo quy định tại Thông tư về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước;

m) Đảm bảo, duy trì hạ tầng kỹ thuật và nguồn lực quy định tại Điểm c, d Khoản 1 và Điểm a, b Khoản 3 Điều 40 Thông tư này;

n) Đăng ký danh sách địa chỉ hộp thư điện tử để trao đổi các thông tin liên quan đến Hệ thống TTLNH được quy định trao đổi qua thư điện tử tại Thông tư này;

o) Chấp hành đúng các quy định về thời điểm áp dụng trong Hệ thống TTLNH để bảo đảm thanh toán được thực hiện thuận lợi, chính xác, kịp thời và an toàn tài sản;

p) Thành viên phải thường xuyên giám sát hạn mức nợ ròng hiện thời của mình để duy trì ở mức thích hợp;

q) Khi phát sinh tranh chấp với khách hàng, các bên liên quan có trách nhiệm cung cấp, trao đổi dữ liệu cho nhau và báo cáo tình hình cho các cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Điều 44. Ban Điều hành Hệ thống TTLNH

1. Ban Điều hành Hệ thống TTLNH được thành lập theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, thành phần gồm: Trưởng ban là Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, thành viên là đại diện Cục Công nghệ tin học, Vụ Thanh toán, Sở Giao dịch, lãnh đạo của một số đơn vị khác.

2. Ban Điều hành Hệ thống TTLNH có các nhiệm vụ sau:

a) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chiến lược, kế hoạch phát triển Hệ thống TTLNH;

b) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xây dựng và quản lý khuôn khổ quản trị rủi ro toàn diện đối với Hệ thống TTLNH;

c) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về loại ngoại tệ khác sử dụng trong Hệ thống TTLNH theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này;

d) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định các nội dung quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9; Khoản 2 Điều 10; Điểm a, b Khoản 3 Điều 21; Điểm b Khoản 3 Điều 28; Điểm b Khoản 4 Điều 35 và Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 41 Thông tư này;

đ) Ban Điều hành Hệ thống TTLNH thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến việc quản lý, vận hành Hệ thống TTLNH được quy định trong quy chế hoạt động do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

Điều 45. Sở Giao dịch

1. Kết nối với Trung tâm Xử lý Quốc gia để thực hiện các thủ tục thanh toán giá trị cao, thanh toán ngoại tệ, thanh toán giá trị thấp giữa các thành viên.

2. Giám sát và quản lý các tài khoản thanh toán.

a) Giám sát và quản lý số dư tài khoản thanh toán của các thành viên:

- Hàng ngày, vào đầu giờ làm việc Sở Giao dịch xác định số dư tài khoản thanh toán của các thành viên để thực hiện các hoạt động thanh toán trong ngày của các đơn vị;

- Xử lý các phát sinh chuyển tiền của các đơn vị thành viên trong trường hợp đơn vị thành viên có nhu cầu bổ sung vốn;

- Cập nhật các thông tin về tình trạng hoạt động của các tài khoản thanh

toán;

- Kiểm soát và đối chiếu số liệu hạch toán thanh toán chuyển tiền giữa các đơn vị Ngân hàng Nhà nước;

- Tổng hợp số liệu hạch toán thanh toán chuyển tiền hàng ngày, hàng tháng của các đơn vị Ngân hàng Nhà nước;

b) Thông qua Trung tâm Xử lý Quốc gia, Sở Giao dịch cung cấp tức thời và bất kỳ lúc nào cho các thành viên những thông tin sau dưới hình thức điện tử:

- Số dư các tài khoản thanh toán và hạn mức thấu chi;

- Tình trạng các yêu cầu quyết toán bù trừ;

- Tình trạng các yêu cầu quyết toán đang chờ xử lý trong hàng đợi quyết toán;

- Tình trạng các yêu cầu quyết toán đã hủy;

- Hạn mức nợ ròng.

3. Quản lý quyết toán bù trừ.

a) Theo dõi, kiểm soát việc duy trì hạn mức nợ ròng của các thành viên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Theo dõi, tính toán và duy trì hạn mức đối với những khoản thanh toán không sử dụng hạn mức;

c) Xử lý các giao dịch liên quan đến ký quỹ giấy tờ có giá, ký quỹ bằng tiền;

d) Theo dõi và thông báo tình trạng quyết toán bù trừ theo quy định tại Điều 24 Thông tư này.

4. Xây dựng, ban hành quy trình xử lý thanh toán ngoại tệ, quyết toán trái phiếu Chính phủ.

5. Xác nhận tình trạng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ thanh toán (nếu có) phát sinh trong việc tham gia Hệ thống TTLNH, các khoản phí thường niên và phí thanh toán của thành viên, đơn vị thành viên khi thành viên đề nghị rút khỏi Hệ thống TTLNH.

6. Thực hiện chức năng thành viên của Hệ thống TTLNH và tuân thủ đầy đủ các quy định đối với thành viên của Hệ thống TTLNH.

Điều 46. Vụ Tài chính - Kế toán

Quản lý việc hạch toán các khoản thanh toán chuyển tiền thông qua Hệ thống TTLNH của các đơn vị Ngân hàng Nhà nước, quyết toán năm các khoản thanh toán chuyển tiền giữa các đơn vị Ngân hàng Nhà nước theo quy định.

Điều 47. Vụ Thanh toán

1. Chịu trách nhiệm về nghiệp vụ thanh toán đối với Hệ thống TTLNH.

2. Xây dựng và ban hành các quy định về giám sát Hệ thống TTLNH để đảm bảo sự hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả của Hệ thống TTLNH.

3. Thực hiện giám sát hoạt động Hệ thống TTLNH, truy cập dữ liệu lưu trữ điện tử của Hệ thống TTLNH, thông qua các kênh trao đổi thông tin với đơn vị vận hành, các thành viên hệ thống để kiểm tra liên tục và đánh giá hoạt động Hệ thống TTLNH hàng ngày trong điều kiện hoạt động bình thường. Yêu cầu đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH báo cáo khi có thay đổi Hệ thống TTLNH và khi có phát sinh sự cố.

Điều 48. Cục Công nghệ tin học

1. Thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH quy định tại Thông tư này.

2. Trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm về hạ tầng kỹ thuật Hệ thống TTLNH.

3. Nghiên cứu, xây dựng và đề xuất các giải pháp kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu phát triển và mở rộng Hệ thống TTLNH.

4. Thực hiện công tác bảo trì Hệ thống định kỳ để đảm bảo hoạt động an toàn, liên tục.

5. Tham mưu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành chuẩn dữ liệu của Ngân hàng Nhà nước sử dụng trong Hệ thống TTLNH.

Điều 49. Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH

1. Trực tiếp vận hành Hệ thống TTLNH.

2. Đầu mối tiếp nhận, xử lý, hướng dẫn thực hiện các quy định tại Điều 39, 40, 41, 42 Thông tư này.

3. Chấp hành các quy định và các khuyến nghị về giám sát của NHNN (Vụ Thanh toán); đồng thời ban hành và thực hiện các quy định nội bộ về kiểm soát rủi ro vận hành để đảm bảo sự hoạt động liên tục của Hệ thống TTLNH.

4. Định kỳ hàng tháng, báo cáo Ban Điều hành Hệ thống TTLNH và gửi Vụ Thanh toán về tình hình và thời gian hoạt động của Hệ thống TTLNH theo chế độ báo thống kê của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 50. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

1. Yêu cầu Trung tâm Xử lý Quốc gia xác nhận đã nhận được các Lệnh

thanh toán do mình chuyển tới và các thông tin liên quan đến Lệnh thanh toán đó.

2. Phối hợp tổ chức kết nối cho các thành viên, đơn vị thành viên trên địa bàn tham gia Hệ thống TTLNH.

3. Đảm bảo điều kiện kỹ thuật trong phạm vi phụ trách để Hệ thống TTLNH hoạt động thông suốt.

4. Phối hợp với đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH, các thành viên và đơn vị thành viên xử lý các lỗi phát sinh trong quá trình vận hành Hệ thống TTLNH.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[2]

Điều 51. Quy định chuyển tiếp

1. Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước Trung ương và các đơn vị trực thuộc của các đối tượng này là thành viên, đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp Hệ thống TTLNH trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục là thành viên, đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp của Hệ thống TTLNH và được tiếp tục sử dụng các dịch vụ đã được thiết lập trên Hệ thống TTLNH.

2. Các thành viên, đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp Hệ thống TTLNH trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này chấm dứt tư cách thành viên, đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

---

[2] Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 23/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/01/2018 quy định như sau:

*"**Điều 2. Tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc (Giám đốc) các thành viên chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2018."

Điều 52. Hiệu lực thi hành[3]

1.Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2018.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các văn bản sau hết hiệu lực:

a) Thông tư số 23/2010/TT-NHNN ngày 09/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng;

b) Thông tư số 13/2013/TT-NHNN ngày 11/6/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2010/TT-NHNN ngày 09/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng;

c) Điều 6 Thông tư số 23/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động thanh toán và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý.

Điều 53. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc (Giám đốc) các thành viên chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

---

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 23/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/01/2018.

Mẫu số TTLNH-01

<Tên đơn vị>

Số: /CV

V/v Đăng ký tham gia Hệ thống TTLNH.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

ĐỀ NGHỊ THAM GIA HỆ THỐNG TTLNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã đơn vị[1]: Tên đơn vị: Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Số tài khoản thanh toán Việt Nam đồng (VND) mở tại SGD NHNN:

Số tài khoản thanh toán Đô la Mỹ (USD) mở tại SGD NHNN:

Số tài khoản thanh toán Đồng tiền chung Châu Âu (EUR) mở tại SGD NHNN:

Số tài khoản thanh toán Ngoại tệ khác (*Ghi rõ loại đồng tiền*) mở tại SGD NHNN:

Đề nghị được tham gia Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng với cam kết tuân thủ các Quy trình kỹ thuật nghiệp vụ, Quy tắc vận hành, chia sẻ khoản vay trong quyết toán bù trừ giá trị thấp (khi tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp) và các Quy định liên quan khác của Hệ thống thanh toán điện tử liên Ngân hàng.

Dưới đây chúng tôi đăng ký dịch vụ thanh toán và Kênh truyền thông sử dụng:

1- Đăng ký các dịch vụ thanh toán (đánh dấu X vào ô tương ứng)

STT	Loại dịch vụ thanh toán	Đăng ký
1	**Gửi lệnh thanh toán Giá trị cao**	
2	**Gửi lệnh thanh toán Giá trị thấp**[2]	
3	**Gửi lệnh thanh toán Đô la Mỹ (USD)**	
4	**Gửi lệnh thanh toán Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)**	

5	**Gửi lệnh thanh toán Ngoại tệ khác** (*ghi rõ loại đồng tiền*)	
6	**Gửi lệnh thanh toán Nợ Việt Nam đồng (VND)**[3]	
7	**Gửi lệnh thanh toán Nợ Đô la Mỹ (USD)**[3]	
8	**Gửi lệnh thanh toán Nợ Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)**[3]	
9	**Gửi lệnh thanh toán Nợ Ngoại tệ khác** (*ghi rõ loại đồng tiền*)[3]	

2- Đăng ký kênh truyền thông (đánh dấu X vào ô tương ứng)

STT	Kênh truyền thông sẽ sử dụng		
	Leasedline	**MetroNet**	**Khác**
1			
2			

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Chú thích:
- (1)Theo Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 của Thống đốc NHNN.
- (2)Kèm theo Văn bản đề nghị về việc cầm cố, ký quỹ giấy tờ có giá hoặc ký quỹ bằng tiền để thiết lập hạn mức nợ ròng trong thanh toán điện tử liên ngân hàng có xác nhận của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.
- (3)Kèm theo Hợp đồng uỷ quyền hoặc văn bản thỏa thuận trước về việc thanh toán Nợ loại tiền tệ tương ứng giữa các thành viên.

Mẫu số TTLNH-02

<Tên thành viên>

Số: /CV

V/v rút khỏi Hệ thống TTLNH.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

ĐỀ NGHỊ RÚT KHỎI HỆ THỐNG TTLNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã đơn vị (1) Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Số tài khoản thanh toán (Việt Nam đồng) mở tại NHNN:

Số tài khoản thanh toán Đô La Mỹ (USD) mở tại NHNN:

Số tài khoản thanh toán Euro (EUR) mở tại NHNN:

Số tài khoản thanh toán Ngoại tệ khác (*Ghi rõ loại đồng tiền*) mở tại SGD NHNN:

Đề nghị được rút khỏi Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng.

Lý do:.....

Danh sách các đơn vị đề nghị rút khỏi Hệ thống TTLNH

STT	Tên Thành viên/ Đơn vị thành viên	Mã ngân hàng	Loại thành viên (*Trực tiếp/Gián tiếp*) (2)	Chuyển sang Thành viên gián tiếp (dành cho Đơn vị thành viên trực tiếp(3))	Hoàn toàn rút khỏi Hệ thống TTLNH(4)
1					
2					

Ngày dự kiến rút khỏi hệ thống:

Đề nghị Quý cơ quan xem xét, chấp thuận.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Chú thích:

- *(1): Theo Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 của Thống đốc NHNN.*
- *(2): Ghi rõ loại thành viên đang tham gia hệ thống TTLNH.*
- *(3): Đánh dấu X khi Đơn vị thành viên có yêu cầu chuyển sang Thành viên gián tiếp.*
- *(4): Đánh dấu X Khi Thành viên, Đơn vị thành viên, Thành viên gián tiếp rút hoàn toàn khỏi Hệ thống TTLNH*

Mẫu số TTLNH-03

<Tên thành viên>

Số: /CV

V/v đăng ký đơn vị thành viên và thành viên gián tiếp Hệ thống TTLNH.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

ĐỀ NGHỊ THAM GIA ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN HOẶC THÀNH VIÊN GIÁN TIẾP THAM GIA HỆ THỐNG TTLNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Đề nghị đăng ký các đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp và sử dụng dịch vụ Hệ thống TTLNH như sau:

1- Đăng ký đơn vị thành viên

STT	Mã Ngân hàng *(1)*	Tên đơn vị thành viên	Thông tin liên hệ		Đăng ký thừa hưởng quyền thực hiện các dịch vụ thanh toán theo Thành viên (đánh dấu X vào ô tương ứng)							
			Địa chỉ	Số điện thoại	Gửi lệnh thanh toán giá trị thấp	Gửi lệnh thanh toán Đô la Mỹ (USD)	Gửi lệnh thanh toán Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	Gửi lệnh thanh toán ngoại tệ khác (*ghi rõ loại đồng tiền*)	Gửi Lệnh Thanh toán Nợ Việt Nam đồng (VND) (2)	Gửi lệnh thanh toán Nợ Đô la mỹ (USD) (2)	Gửi lệnh thanh toán Nợ Đồng tiền chung Châu Âu (EUR) (2)	Gửi lệnh thanh toán Nợ Ngoại tệ khác (*ghi rõ loại đồng tiền*) (2)
1												
2												
3												
...												

2- Đăng ký thành viên gián tiếp

STT	Mã Ngân hàng(1)	Tên đơn vị
1		
2		
3		
...		

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Theo Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 của Thống đốc NHNN.

(2) Kèm theo Hợp đồng uỷ quyền hoặc văn bản thỏa thuận trước về việc thanh toán Nợ loại tiền tệ tương ứng giữa các thành viên.

LỆNH CHUYỂN NỢ/CÓ

Loại đồng tiền:.....

Loại giao dịch: **Ngày giao dịch:**
Số hiệu giao dịch: **Ngày, giờ gửi (nhận) :**
Ngân hàng gửi: **Mã NH:** **TK Nợ:**
Ngân hàng nhận: **Mã NH:** **TK Có:**
Ngân hàng chịu phí:

Người phát lệnh:
Địa chỉ:
Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước/Mã số DN: **Ngày cấp:...../..../.... Nơi cấp:**
Tài khoản: **Tại NH:**

Người nhận lệnh:
Địa chỉ:
Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước: **Ngày cấp:...../..../.... Nơi cấp:**
Tài khoản: **Tại NH:**
Chương, loại, khoản, mục:

Nội dung:

Số tiền bằng số:
Số tiền bằng chữ:

KẾ TOÁN **KIỂM SOÁT** **CHỦ TÀI KHOẢN**

LỆNH HUỶ LỆNH THANH TOÁN

Loại đồng tiền:.....

Số giao dịch: **Ngày giao dịch:** **Ngày, giờ lập:**
Ngân hàng gửi:
Ngân hàng nhận:

Người phát lệnh:
Địa chỉ:
Tài khoản:
Tại ngân hàng:

Người nhận lệnh:
Địa chỉ:
Tài khoản:
Tại ngân hàng:

Số tiền bằng số:
Số tiền bằng chữ:

Kết quả huỷ :
Lý do huỷ :

KẾ TOÁN **KIỂM SOÁT** **CHỦ TÀI KHOẢN**

Chú thích: Lệnh huỷ Lệnh thanh toán chỉ sử dụng đối với các chuyển tiền đang trong hàng đợi của Trung tâm Xử lý Quốc gia

YÊU CẦU HOÀN TRẢ LỆNH THANH TOÁN

Loại đồng tiền:.....

Số giao dịch: **Ngày giờ lập:**
Ngân hàng gửi lệnh:
Lý do :

Các thông tin của giao dịch gốc

Số hiệu giao dịch: **Ngày giao dịch:** **Ngày, giờ lập:**
Ngân hàng gửi:
Ngân hàng nhận:

Người phát lệnh:
Địa chỉ:
Tài khoản:
Tại ngân hàng:

Người nhận lệnh:
Địa chỉ:
Tài khoản:
Tại ngân hàng:

Số tiền bằng số:
Số tiền bằng chữ:

KẾ TOÁN **KIỂM SOÁT** **CHỦ TÀI KHOẢN**

THÔNG BÁO
TỪ CHỐI YÊU CẦU HOÀN TRẢ LỆNH THANH TOÁN

Loại đồng tiền:.....

Số hiệu giao dịch: **Ngày, giờ lập:**
Ngân hàng gửi lệnh:
Lý do

Các thông tin của giao dịch gốc

Số hiệu giao dịch: **Ngày giao dịch:** **Ngày, giờ lập:**
Ngân hàng gửi:
Ngân hàng nhận:

Người phát lệnh:
Địa chỉ:
Tài khoản:
Tại ngân hàng:

Người nhận lệnh:
Địa chỉ:
Tài khoản:
Tại ngân hàng:

Số tiền bằng số:
Số tiền bằng chữ:

KẾ TOÁN **KIỂM SOÁT** **CHỦ TÀI KHOẢN**

ĐIỆN TRA SOÁT

Loại đồng tiền:.....

Số điện tra soát: **Ngày, giờ lập:**
Ngân hàng gửi lệnh:

Thông tin giao dịch gốc

Số giao dịch: **Ngày giao dịch:** **Số tiền:**
Ngân hàng gửi:
Ngân hàng nhận:
Nội dung yêu cầu tra soát

KẾ TOÁN **KIỂM SOÁT** **CHỦ TÀI KHOẢN**

ĐIỆN TRẢ LỜI TRA SOÁT

Loại đồng tiền:.....

Số điện trả lời: **Ngày, giờ lập:**
Ngân hàng gửi lệnh:

Thông tin giao dịch gốc

Số giao dịch : **Ngày giao dịch:** **Loại tiền** **Số tiền:**
Ngân hàng gửi:
Ngân hàng nhận:
Nội dung yêu cầu tra soát

Nội dung trả lời

KẾ TOÁN **KIỂM SOÁT** **CHỦ TÀI KHOẢN**

TỔNG HỢP GIAO DỊCH ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Loại đồng tiền:.....

Ngày giao dịch:...../...../.....

Dịch vụ:

Ngân hàng:

Trang:

Ngân hàng thanh toán		Nợ		Có		Chênh lệch số tiền	
		Số món	Số tiền	Số món	Số tiền	Nợ	Có
Số hiệu	Tên Ngân hàng						
Tổng cộng							

LẬP BẢNG **KIỂM SOÁT**

Chú thích:

- *Lập theo từng loại dịch vụ và tổng hợp.*
- *Lập cho từng đơn vị thành viên*
- *Cho biết giao dịch đi và đến của ĐVTV này với từng ĐVTV khác*
- *Cộng tổng của từng hệ thống và toàn bảng.*

TỔNG HỢP GIAO DỊCH THÀNH VIÊN

Loại đồng tiền:.....

Ngày giao dịch:...../...../.....

Dịch vụ:
Ngân hàng:
Số hiệu tài khoản:

Trang:

Chi nhánh		Nợ		Có		Chênh lệnh số tiền	
Số hiệu	**Tên ngân hàng**	**Số món**	**Số tiền**	**Số món**	**Số tiền**	**Nợ**	**Có**
TỔNG CỘNG							

LẬP BẢNG **KIỂM SOÁT**

Chú thích:

- *Lập cho từng hệ thống thành viên*
- *Lập theo từng loại dịch vụ và tổng hợp*
- *Lập cho nội tỉnh – liên tỉnh và toàn quốc*
- *Mỗi dòng là dòng tổng cộng của mẫu số TTLNH-10*

BẢNG CÂN ĐỐI CHUYỂN TIỀN

Loại đồng tiền:.....

Ngày giao dịch:...../...../.....

Dịch vụ: Trang:

Ngân hàng		Nợ		Có		Chênh lệnh số tiền	
Số hiệu	Tên Ngân Hàng	Số món	Số tiền	Số món	Số tiền	Nợ	Có
Tổng cộng							

LẬP BẢNG **KIỂM SOÁT**

Chú thích:

- *Lập cho toàn bộ Hệ thống TTLNH*
- *Lập theo từng loại dịch vụ và tổng hợp*
- *Lập cho nội tỉnh – liên tỉnh và toàn quốc*
- *Mỗi dòng là dòng tổng toàn bảng của mẫu số TTLNH –11*

BẢNG KẾT QUẢ HẠCH TOÁN

Loại đồng tiền:.....

Ngày giao dịch:...../...../.....

Dịch vụ: Trang:

Ngân hàng		Nợ	Có
Số hiệu	Tên Ngân hàng		
Tổng cộng			

Lập bảng **Kiểm soát**

Chú thích:

- *Lập cho toàn bộ Hệ thống TTLNH*
- *Lập theo từng loại dịch vụ và tổng hợp*
- *Lập cho nội tỉnh – liên tỉnh và toàn quốc*
- *Mỗi dòng tương ứng dòng (2 cột cuối) trên mẫu số TTLNH-12*

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HOÁ

Ngày giao dịch:

Lần thực hoá : giờ thực hoá: **Trang:**

Ngân hàng		Nợ	Có
Số hiệu	Tên Ngân hàng		
Tổng cộng			

Lập Bảng **Kiểm soát**

Chú thích:
- *Kết quả của từng lần thực hoá.*
- *Mỗi dòng là CIHO hoặc chi nhánh NHNN*

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ HẠCH TOÁN

Loại đồng tiền:.....

Ngày giao dịch:...../...../.....

Dịch vụ:
Ngân hàng:
Số hiệu tài khoản:

Trang:

Chi nhánh		Nợ		Có		Chênh lệch	
Số hiệu	Tên Ngân hàng	Số món	Số tiền	Số món	Số tiền	Nợ	Có
Tổng cộng							

LẬP BẢNG **KIỂM SOÁT**

Chú thích:
- *Lập cho từng hệ thống*
- *Mỗi dòng là kết quả hạch toán của đơn vị thành viên trong hệ thống*

BÁO CÁO CHUYỂN TIỀN ĐI

Loại đồng tiền:.....

Ngày giao dịch:...../...../.....

Mã Ngân hàng : **Tên :**

Số TT	Số giao dịch	Dịch vụ	Doanh số phát sinh	
			Nợ	Có
1	2	3	4	5
	NH nhận : xxxxxxxx Tên : xxxxxxxx			
	Cộng NH : xxxxxxxx		**xxxxxxxx**	**xxxxxxxx**
	Cộng toàn bảng		**xxxxxxxx**	**xxxxxxxx**
	Luỹ kế từ đầu tháng			
	Luỹ kế từ đầu năm			

LẬP BẢNG **KIỂM SOÁT**

Chú thích:

- *Cột 1 : Số thứ tự*
- *Cột 2 : Số giao dịch trong ngày*
- *Cột 3 : Các dịch vụ phát sinh (theo luồng giá trị cao hoặc thấp)*
- *Cột 4 : Lệnh chuyển nợ*
- *Cột 5 : Lệnh Chuyển có*
- *Dòng cuối : Tổng cộng phát sinh*
- *Cộng theo tổng của đơn vị thành viên*
- *Các lệnh sắp xếp theo thứ tự số giao dịch tăng dần*
- *Biểu lập theo giá trị cao, giá trị thấp và tổng hợp*
- *Đối với thành viên có thể in lại báo cáo các đơn vị thành viên trong cùng hệ thống để kiểm tra từ dữ liệu của thành viên nhận từ Trung tâm Xử lý Quốc gia*

BÁO CÁO CHUYỂN TIỀN ĐẾN

Loại đồng tiền:.....

Ngày giao dịch:...../...../.....

Mã Ngân hàng : **Tên :**

Số TT	Số giao dịch	Dịch vụ	Doanh số phát sinh	
			Nợ	Có
1	2	3	4	5
	NH chuyển : xxxxxxxx Tên : xxxxxxxx			
	Cộng NH : xxxxxxxx		**xxxxxxxx**	**xxxxxxxx**
	Cộng toàn bảng		**xxxxxxxx**	**xxxxxxxx**
Luỹ kế từ đầu tháng				
Luỹ kế từ đầu năm				

LẬP BẢNG **KIỂM SOÁT**

Chú thích:

- *Cột 1 : Số thứ tự*
- *Cột 2 : Số giao dịch trong ngày*
- *Cột 3 : Các dịch vụ phát sinh (theo luồng giá trị cao hoặc thấp)*
- *Cột 4 : Lệnh chuyển có*
- *Cột 5 : Lệnh chuyển nợ*
- *Dòng cuối : Tổng cộng phát sinh*
- *Cộng theo tổng của đơn vị thành viên*
- *Các lệnh sắp sếp theo thứ tự số giao dịch tăng dần*
- *Biểu lập theo giá trị cao, giá trị thấp và tổng hợp*
- *Đối với thành viên có thể in lại báo cáo các đơn vị thành viên trong cùng hệ thống để kiểm tra từ dữ liệu của thành viên nhận từ Trung tâm xử lý Quốc gia*

ĐỐI CHIẾU CHUYỂN TIỀN ĐI

Loại đồng tiền:.....

Ngày giao dịch:...../...../.....

Mã Ngân hàng : **Tên :**

Phần 1 : Số liệu đối chiếu nhận được.

Số TT	Số giao dịch	Dịch vụ	Doanh số phát sinh	
			Lệnh nợ	Lệnh có
1	2	3	4	5
	NH nhận : xxxxxxxx Tên : xxxxxxxx			
	Cộng NH : xxxxxxxx		xxxxxxxx	xxxxxxxx
	Cộng toàn bảng		xxxxxxxx	xxxxxxxx
Luỹ kế từ đầu tháng				
Luỹ kế từ đầu năm				

Phần 2 : Tổng hợp Kết quả đối chiếu.

Số TT	Nội dung	Lệnh chuyển nợ		Lệnh Chuyển có	
		Số món	Tổng số tiền	Số món	Tổng số tiền
1	Số liệu trên báo cáo chuyển tiền đi của đơn vị				
2	Số liệu trên báo cáo đối chiếu nhận được từ Hệ thống TTLNH				
3	**Chênh lệch**				

LẬP BẢNG **KIỂM SOÁT**

ĐỐI CHIẾU CHUYỂN TIỀN ĐẾN

Loại đồng tiền:.....

Ngày giao dịch:...../...../.....

Mã Ngân hàng : **Tên :**

Phần 1 : Số liệu đối chiếu nhận được.

Số TT	Số giao dịch	Dịch vụ	Doanh số phát sinh	
			Lệnh nợ	Lệnh có
1	2	3	4	5
	NH chuyển : xxxxxxxx Tên : xxxxxxxx			
	Cộng NH : xxxxxxxx		**xxxxxxxx**	**xxxxxxxx**
	Cộng toàn bảng		**xxxxxxxx**	**xxxxxxxx**
Luỹ kế từ đầu tháng				
Luỹ kế từ đầu năm				

Phần 2 : Tổng hợp Kết quả đối chiếu.

Số TT	Nội dung	Lệnh chuyển nợ		Lệnh Chuyển có	
		Số món	Tổng số tiền	Số món	Tổng số tiền
1	Số liệu trên báo cáo chuyển tiền đến của đơn vị				
2	Số liệu trên báo cáo đối chiếu nhận được từ Hệ thống TTLNH				
3	**Chênh lệch**				

LẬP BẢNG **KIỂM SOÁT**

BẢNG KẾT QUẢ THANH TOÁN CỦA ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Loại đồng tiền:.....

Ngày giao dịch:...../...../.....

Ngân hàng : **Tên :**

Số TT	Mã NH	Tên Ngân hàng	Doanh số		Chênh lệch	
			Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
Tổng cộng			**xxxxxxxxx**	**xxxxxxxxx**	**xxxxxxxxx**	**xxxxxxxxx**

Chênh lệch phải thu (trả) : **xxxxxxxxx** (8)

Số tiền bằng chữ :

LẬP BẢNG **KIỂM SOÁT**

Chú thích:

- *Cột 4 : Tổng cộng lệnh chuyển nợ đi và lệnh chuyển có đến*
- *Cột 5 : Tổng cộng lệnh chuyển có đi và lệnh chuyển nợ đến*
- *Cột 6 : Cột 4 – cột 5 (nếu cột 4 >cột 5)*
- *Cột 7 : Cột 5 – cột 4 (nếu cột 4 <cột 5)*
- *Cột 8 : Phải trả nếu cột 7 > cột 6, phải thu nếu cột 6>cột 7*
- *Số liệu được lập từ số liệu đối chiếu nhận được từ Trung tâm Xử lý Quốc gia sau khi đã đối chiếu cân .*
- *Sắp xếp theo từng Ngân hàng đối phương là đơn vị thành viên*
- *Lập cho giá trị thấp, giá trị cao và tổng hợp*
- *Đối với thành viên có thể in lại báo cáo các đơn vị thành viên trong cùng hệ thống để kiểm tra từ dữ liệu của thành viên nhận từ Trung tâm Xử lý Quốc gia.*

Mẫu số TTLNH-21

BẢNG KẾT QUẢ THANH TOÁN CỦA THÀNH VIÊN

Loại đồng tiền:.....

Ngày giao dịch:...../...../.....

Ngân hàng (Hội sở chính) : **Tên :**

Số TT	Mã NH	Tên Ngân hàng	Doanh số		Chênh lệch	
			Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
Tổng cộng			**xxxxxxxxx**	**xxxxxxxxx**	**xxxxxxxxx**	**xxxxxxxxx**

Chênh lệch phải thu (trả) : **xxxxxxxxx** (8)

Số tiền bằng chữ :

LẬP BẢNG **KIỂM SOÁT**

Chú thích:

- *Cột 4 : Tổng toàn bảng trên cột 4 – mẫu số TTLNH-20*
- *Cột 5 : Tổng toàn bảng trên cột 5 – mẫu số TTLNH-20*
- *Cột 6 : Cột 4 – cột 5 (nếu cột 4 >cột 5)*
- *Cột 7 : Cột 5 – cột 4 (nếu cột 4 <cột 5)*
- *Cột 8 : Phải trả nếu cột7>cột 6, phải thu nếu cột 6>cột 7*
- *Số liệu được lập từ số thành viên nhận được từ Trung tâm xử lý Quốc gia*
- *Lập theo từng đơn vị thành viên trong cùng hệ thống*
- *Lập cho giá trị thấp, giá trị cao và tổng hợp*

Mẫu số TTLNH-22

THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN SỰ CỐ KỸ THUẬT TRONG HỆ THỐNG TTLNH

Chúng tôi gồm có:

1/ Ông (bà): ..... chức vụ: .....

2/ Ông (bà): ..... chức vụ: .....

3/ Ông (bà): ..... chức vụ: .....

Nhất trí xác định sự cố kỹ thuật trong Hệ thống TTLNH sau đây:

- Sự cố kỹ thuật: ..... *(mô tả sự cố)* .....
- Thời điểm xảy ra sự cố: ..... giờ ..... phút, ngày ...../...../.....
- Nguyên nhân: .....

.....

.....

Hậu quả của sự cố kỹ thuật: .....

.....

.....

Phương án xử lý sự cố kỹ thuật: .....

.....

.....

.....

.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

LẬP BIỂU **TP KẾ TOÁN** **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Mẫu số TTLNH-23

THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN CHUYỂN TIỀN (THỪA/THIẾU)

Chúng tôi gồm có:

1/ Ông (bà): ..... chức vụ: .....
2/ Ông (bà): ..... chức vụ: .....
3/ Ông (bà): ..... chức vụ: .....

Nhất trí xác định tình trạng, nguyên nhân và trách nhiệm trong việc chuyển tiền ..... *(thừa/thiếu)* ..... dưới đây:

Lệnh thanh toán (Nợ/Có) số: ..... Ngày lập lệnh: ...../...../.....
Người phát lệnh: .....
Địa chỉ/số CMND:.....
Tài khoản:.....
Tại Ngân hàng ..... Mã NH: .....

Người nhận lệnh: .....
Địa chỉ/số CMND:.....
Tài khoản:.....
Tại Ngân hàng: ..... Mã NH: .....
Số tiền: .....
Đã chuyển: .... *(thừa/ thiếu)* ..... là ..... đ (bằng chữ: .....
.....)
Nguyên nhân sai sót: .....
.....
.....
Người chịu trách nhiệm: .....
.....

Đề nghị quý Ngân hàng : ..... căn cứ Biên bản này để: ..... (thu hồi ngay hoặc xử lý trả tiếp cho khách hàng) ..... số tiền đã chuyển: ..... *(thừa/ thiếu)* ..... nói trên.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

KẾ TOÁN **T.P. KẾ TOÁN** **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Mẫu số TTLNH-24

SỞ GIAO DỊCH NHNN Trang:

BẢNG KÊ TỔNG HỢP
THANH TOÁN LIÊN NGÂN HÀNG GIÁ TRỊ CAO
Lệnh chuyển Đi/Đến – Nợ/Có
Ngày:
Kính gửi: *<Tên ngân hàng>*
Mã ngân hàng: Tài khoản:

STT	NH đầu mối nhận/chuyển	Tài khoản nợ/có	Số món	Số tiền
1	2	3	4	5
TỔNG CỘNG			xxxxxxxxx	xxxxxxxxxxxxxxxxx

Lập bảng **Kiểm soát**

Chú thích:
- Lập riêng từng bảng cho lệnh chuyển Đi – Nợ, Đi – Có, Đến – Nợ, Đến - Có
- Đối với lệnh chuyển đi
+ <Tên ngân hàng>: là ngân hàng gửi lệnh
+ Cột2: Ngân hàng đầu mối nhận lênh

- Đối với lệnh chuyển đến
+ <Tên ngân hàng>: là ngân hàng i lệnh
+ Cột2: Ngân hàng đầu mối gửi lệnh

Mẫu số TTLNH-25

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

SỞ GIAO DỊCH

BÁO CÁO NGÂN HÀNG THIẾU VỐN GIÁ TRỊ THẤP

Thời điểm bù trừ :

Mã ngân hàng :
Tên ngân hàng:

Số tiền nợ:	
Số tiền có:	
Chênh lệch:	
Số dư:	
Số tiền thiếu:	

Số tiền thiếu: ..... đồng.
(Bằng chữ:.....)

Lập bảng **Kiểm soát**

Mẫu số TTLNH-26

<TÊN THÀNH VIÊN>

Số: /CV

V/v Đăng ký bổ sung sử dụng dịch vụ Hệ thống TTLNH.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ BỔ SUNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ HỆ THỐNG TTLNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã đơn vị[1]: Tên đơn vị: Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: Email:

Số tài khoản thanh toán Việt Nam đồng (VND) mở tại SGD NHNN:
Số tài khoản thanh toán Đô la Mỹ (USD) mở tại SGD NHNN:
Số tài khoản thanh toán Đồng tiền chung Châu Âu (EUR) mở tại SGD NHNN:
Số tài khoản thanh toán Ngoại tệ khác (*ghi rõ loại đồng tiền*) mở tại SGD NHNN:

Đề nghị được được đăng ký bổ sung sử dụng dịch vụ Hệ thống TTLNH cho các đơn vị dưới đây với cam kết tuân thủ các Quy trình kỹ thuật nghiệp vụ, Quy tắc vận hành, chia sẻ khoản vay trong quyết toán bù trừ giá trị thấp (khi tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp) và các Quy định liên quan khác của Hệ thống thanh toán điện tử liên Ngân hàng.

1. <Tên đơn vị>, <mã ngân hàng[1]>
Đăng ký các dịch vụ thanh toán (đánh dấu X vào ô tương ứng)

STT	Loại dịch vụ thanh toán	Đăng ký
1	Gửi lệnh thanh toán Giá trị cao	
2	Gửi lệnh thanh toán Giá trị thấp[2]	
3	Gửi lệnh thanh toán Đô la Mỹ (USD)	
4	Gửi lệnh thanh toán Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	
5	Gửi lệnh thanh toán Ngoại tệ khác (*ghi rõ loại đồng tiền*)	
6	Gửi lệnh thanh toán Nợ Việt Nam đồng (VND)[3]	
7	Gửi lệnh thanh toán Nợ Đô la Mỹ (USD)[3]	
8	Gửi lệnh thanh toán Nợ Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)[3]	
9	Gửi lệnh thanh toán Nợ Ngoại tệ khác (*ghi rõ loại đồng tiền*)[3]	

2. <Tên đơn vị>, <mã ngân hàng[1]>

...

Đề nghị Quý cơ quan xem xét, chấp thuận.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Chú thích:

- (1)Theo Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 của Thống đốc NHNN.

- (2)Kèm theo Văn bản đề nghị về việc cầm cố, ký quỹ giấy tờ có giá hoặc ký quỹ bằng tiền để thiết lập hạn hạn mức nợ ròng trong thanh toán điện tử liên ngân hàng có xác nhận của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

- (3)Kèm theo Hợp đồng uỷ quyền hoặc văn bản thỏa thuận trước về việc thanh toán Nợ loại tiền tệ tương ứng giữa các thành viên.

Mẫu số TTLNH-27

<TÊN THÀNH VIÊN>

Số: /CV

V/v Ngừng dịch vụ gửi giao dịch thanh toán.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

ĐỀ NGHỊ NGỪNG DỊCH VỤ GỬI LỆNH THANH TOÁN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng thực tế hệ thống TTLNH <Tên đơn vị> đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngừng dịch vụ gửi lệnh thanh toán trong Hệ thống TTLNH cho các đơn vị cụ thể như sau:

1.<Tên đơn vị>, <mã ngân hàng(1)>

a) Danh sách các dịch vụ ngừng sử dụng:

STT	Loại dịch vụ	Ngừng sử dụng (đánh dấu X vào ô tương ứng)
1	Gửi Lệnh thanh toán giá trị cao	
2	Gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp	
3	Gửi Lệnh thanh toán USD	
4	Gửi Lệnh thanh toán EUR	
5	Gửi Lệnh thanh toán Ngoại tệ khác (ghi rõ loại đồng tiền)	
6	Gửi Lệnh thanh toán Nợ Việt Nam đồng (VND)	
7	Gửi Lệnh thanh toán Nợ Đô la (USD)	
8	Gửi Lệnh thanh toán Nợ Đồng tiền chung Châu Âu EUR	
9	Gửi Lệnh thanh toán Nợ Ngoại tệ khác (ghi rõ loại đồng tiền)	

b) Danh sách các đơn vị ngừng ủy quyền (*trong trường hợp ngừng dịch vụ gửi Lệnh thanh toán nợ*)

STT	Mã Ngân hàng(1)	Tên đơn vị ngừng ủy quyền	Loại tiền ngừng dịch vụ gửi lệnh thanh toán nợ			
			VND	USD	EUR	Ngoại tệ khác (ghi rõ loại đồng tiền)
1						
2						
...						

2.<Tên đơn vị>, <mã ngân hàng(1)>

...

Đề nghị Quý cơ quan xem xét, chấp thuận.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Theo Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 của Thống đốc NHNN

Mẫu số TTLNH-28

<TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG>	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /CV	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
V/v nhận nợ vay bù trừ giá trị thấp.	*Hà nội, ngày ..... tháng ..... năm.....*

GIẤY NHẬN NỢ VAY BÙ TRỪ GIÁ TRỊ THẤP

Kính gửi: Sở Giao dịch NHNN.

Căn cứ vào Báo cáo ngân hàng thiếu vốn giá trị thấp ngày ... tháng .... năm ..... của Sở Giao dịch NHNN.

<Tổ chức tín dụng> nhận nợ vay bù trừ giá trị thấp:

Số tiền ....đồng

Bằng chữ:

Lãi suất .....% năm.

< Tổ chức tín dụng> cam kết trả nợ (cả gốc lẫn lãi) theo đúng quy định của NHNN.

Nơi nhận:	**TỔNG GIÁM ĐỐC (Giám đốc)**
- Như trên;	
- Lưu...	*(Ký tên)*

Mẫu số TTLNH-29

<Tên đơn vị>	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /CV	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
V/v Đề nghị kết nối đến Hệ thống TTLNH.	....., *ngày ..... tháng ..... năm.....*

ĐỀ NGHỊ KẾT NỐI ĐẾN HỆ THỐNG TTLNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã đơn vị[(1)]: Tên đơn vị: Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị kết nối đến Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng với cam kết tuân thủ đầy đủ các Quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc g.

Dưới đây chúng tôi đăng ký dịch vụ thanh toán và Kênh truyền thông sử dụng:

1- Đăng ký các dịch vụ thanh toán (đánh dấu X vào ô tương ứng)

STT	Loại dịch vụ thanh toán	Đăng ký
1	**Gửi lệnh quyết toán ròng từ các hệ thống khác[(2)]**	

2- Đăng ký kênh truyền thông (đánh dấu X vào ô tương ứng)

STT	Kênh truyền thông sẽ sử dụng		
	Leasedline	MetroNet	Khác
1			
2			

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Chú thích:
- (1)Theo Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 của Thống đốc NHNN
- (2) Kèm theo Văn bản thỏa thuận cam kết trước giữa đơn vị chủ trì hệ thống thanh toán bù trừ và các thành viên Hệ thống TTLNH về việc thực hiện nghĩa vụ quyết toán bù trừ.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Số: 03 /VBHN-NHNN

Nơi nhận:
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu VP, PC3 (2).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2018

KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến